

TRUYỆN TRANH SONG NGỮ VIỆT- ANH

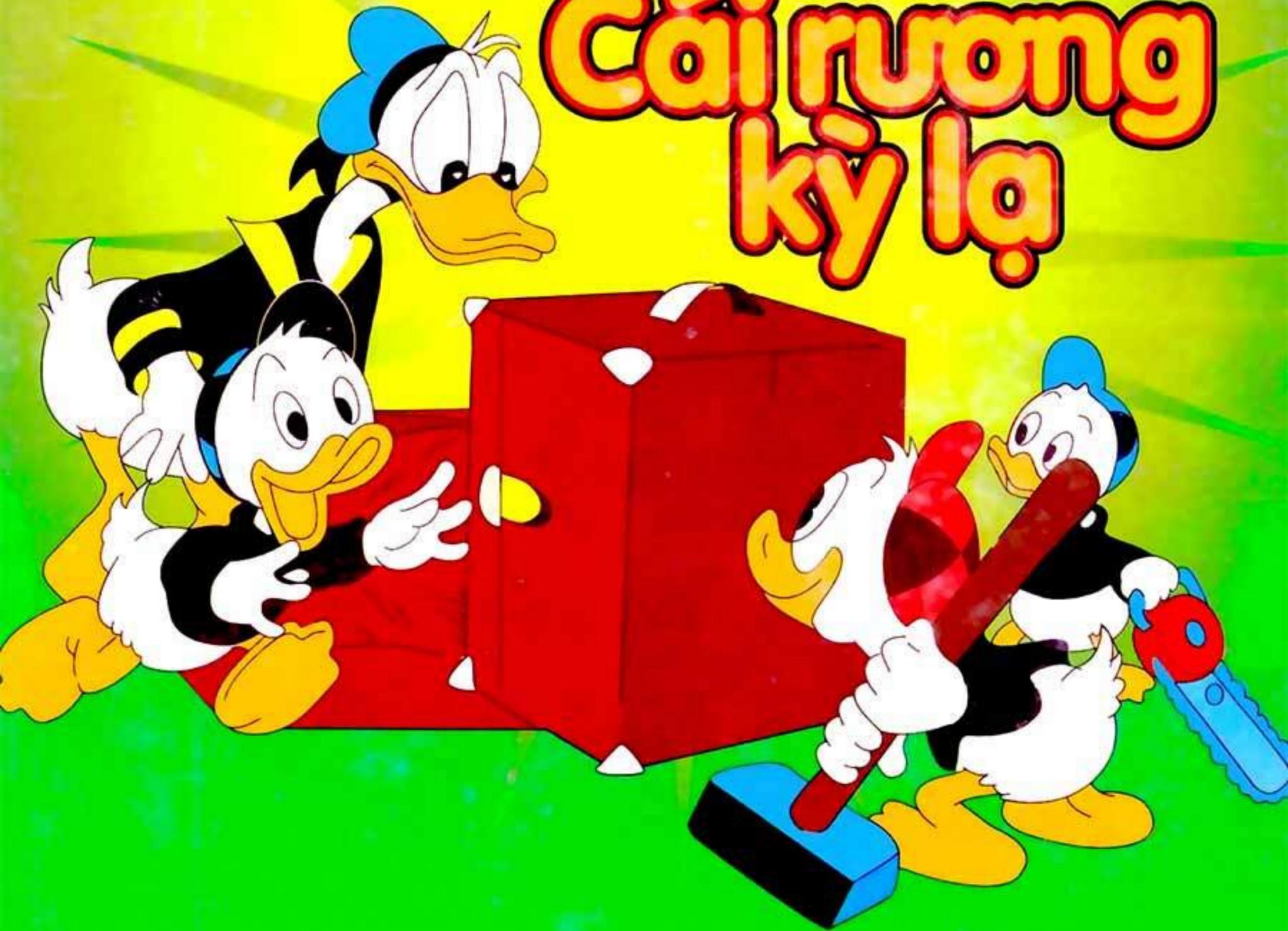
WALT DISNEY'S

Donald và bạn hữu

Tập 4

© Disney Enterprises, Inc.
Singapore Times Group Inc. xuất bản
ở Miền Nam Việt Nam
Theo sự đồng ý của Walt Disney
and the Disney Theme Group

Cái rương kỳ lạ



NHÀ XUẤT BẢN TRÉ



SAIGON TIMES GROUP



VỊT DONALD

Cái ruộng kỳ lạ!

Người dịch : NGUYỄN TƯỜNG MINH



2. Sự trở trêu của số mệnh!

1. Sao ta ra đời không giàu có như chú Scrooge, hoặc ít nhất cũng gặp may như người anh em họ Gladstone nhỉ?

truyentranhphapbi.com

1. Why couldn't I have been born as rich as Uncle Scrooge is, or at least as lucky as Cousin Gladstone?

2. The capriciousness of fate!



3. Giá mà gặp may thì chú ắt đã tìm được một kho tàng vô chủ và lui về sống cuộc đời xa hoa, nhàn tản!

3. If I was lucky, I'd find a treasure trove of some kind and retire to a life of luxury and indolance!



4. Có thể lắm chứ, chú Donald!

5. Kho báu có thể tìm thấy ở mọi nơi mà!

6. Miễn là khi bắt gặp nó, chú phải có khả năng nhận ra nó kia!

4. Maybe you can, Unca Donald!

5. Treasures can be found anywhere!

6. You just have to be able to recognize one when you see it!



7. Vậy ư? Ví dụ như thế nào?

7. Yeah? Like for instance?



8. Vâng, nhìn cái nhà ông Humus Brushbristle đang đi đàng kia kia! Năm ngoài ông ta còn là một nghệ sĩ nghèo đói đấy!

9. Mà năm nay ông ấy giàu sụ!

10. Ông ta làm gì vậy? Trúng số à?

8. Well, there goes Humus Brushbristle! Last year he was a poor, starving artist!

9. This year he's rich!

10. What'd he do? Win a lottery?

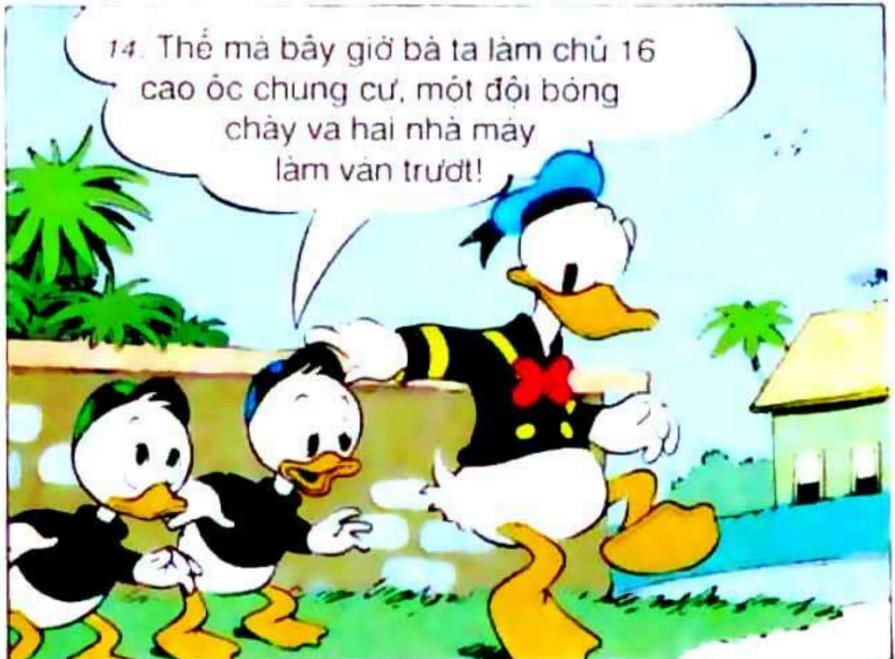


11. Nope! He found an original Rencasso painting in a junk shop for fifty cents!



12. And there's Madam Baedeker Von Pulpfume!

13. Two years ago she was a bag lady living in the park!



14. Now she owns sixteen apartment buildings, a baseball team, and two skateboard factories!



15. What did she do? Find Uranium in her corn flakes?

16. Nope! She fell into a dumpster filled with fifty year old comic books in mint condition!



17. Things like that never happen to me, boys! My karma is always on the fritz!



18. THUD



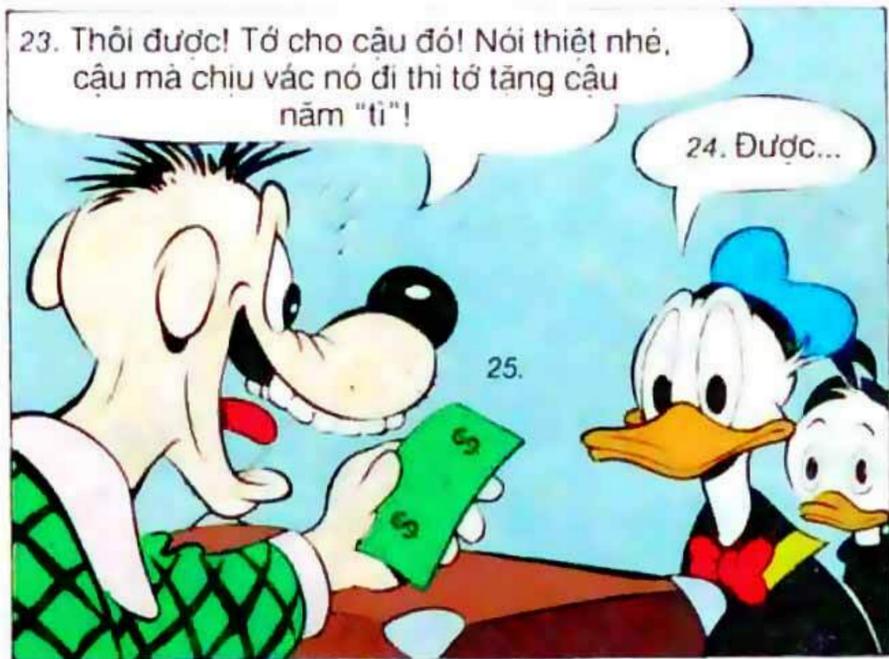
19. Ten bucks takes it away, Boobie! And a fine old trunk it is, too! Hee! Hee!

20. No thanks! I don't want a trunk!



21. Five bucks then! Come on, guy, it's a bargain! Honest!

22. Sorry!



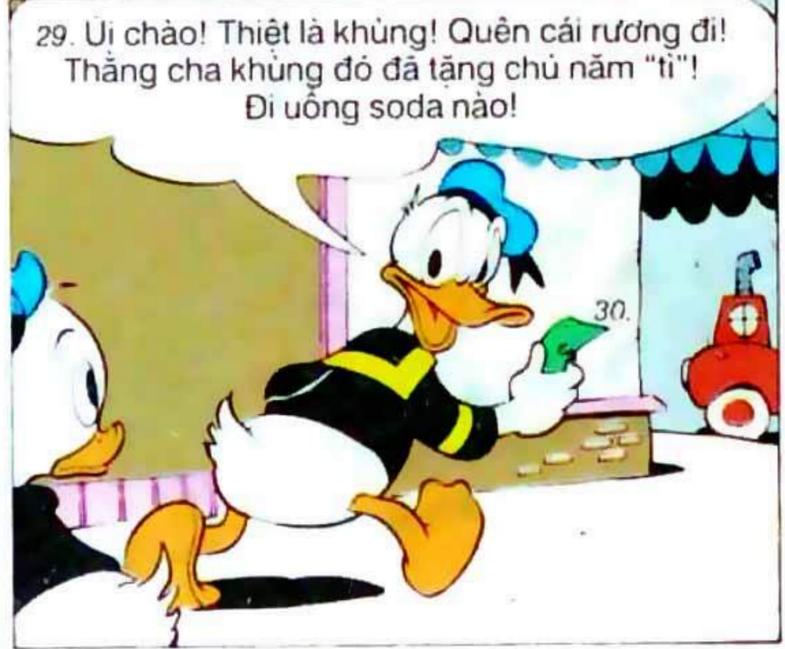
23. Okay! I'll give it to you! In fact, here! I'll give you five bucks to take it!
 24. Well...
 25. \$ \$



26. Great! Wonderful! HA! HA! Now I can go to the asylum a happy man! Doopty-dooo!



27. What do you suppose that was all about?
 28. I don't know, but it looks like we've got ourselves a trunk!



29. Aw, this is looney! Forget the trunk! That screwball gave me five bucks! Let's go for sodas!
 30. \$



31. Not so fast, Unca Donald!
 32. Maybe this trunk is one of those treasures just waiting to be recognized!
 33. Maybe there's a fortune inside!



34. With my luck it's probably filled with overdue parking tickets!



35. However —
 36. Whew!
 37. What a load!
 38. DONALD DUCK

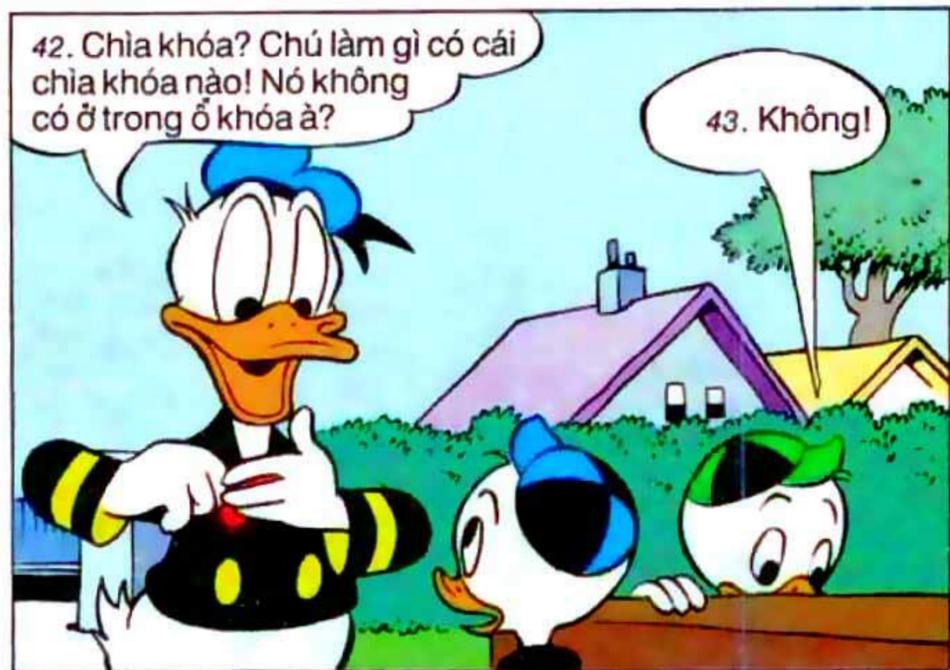


39. There's sure a lot of something in this thing! It's heavy!
 40. Maybe it's a million dollars in gold!



41. Chúng ta mở nó ra đi chú!
Chìa khóa đâu, chú Donald?

41. Let's open it! Where's the key, Unca Donald?



42. Chìa khóa? Chú làm gì có cái
chìa khóa nào! Nó không
có ở trong ổ khóa à?

43. Không!

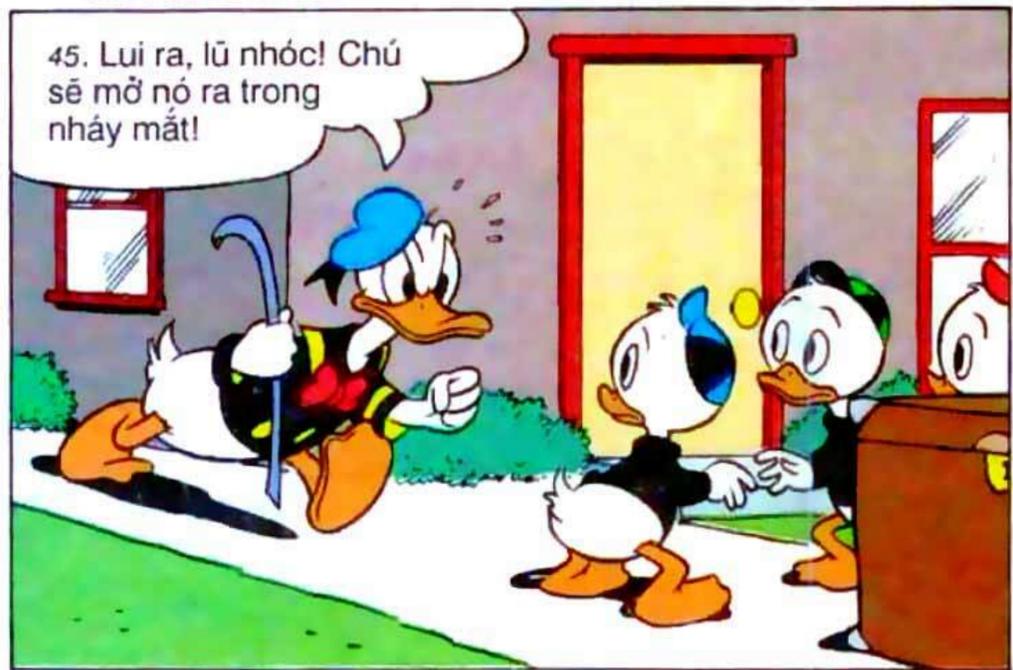
42. Key ? I don't have a key!
Isn't it in the lock?

43. Nope!



44. Úi chà! Thế thì mình phải tìm cách làm
cho nó bung ra!

44. Oh, great! That means we'll have to break into it!



45. Lui ra, lũ nhóc! Chú
sẽ mở nó ra trong
nháy mắt!

45. Stand back, boys! I'll have that baby open in a jiffy!



46. Hừm! Bắt đầu nhé, đồ con hén thời
đại cơ khí! Hự!

47. R..R..RẮC!

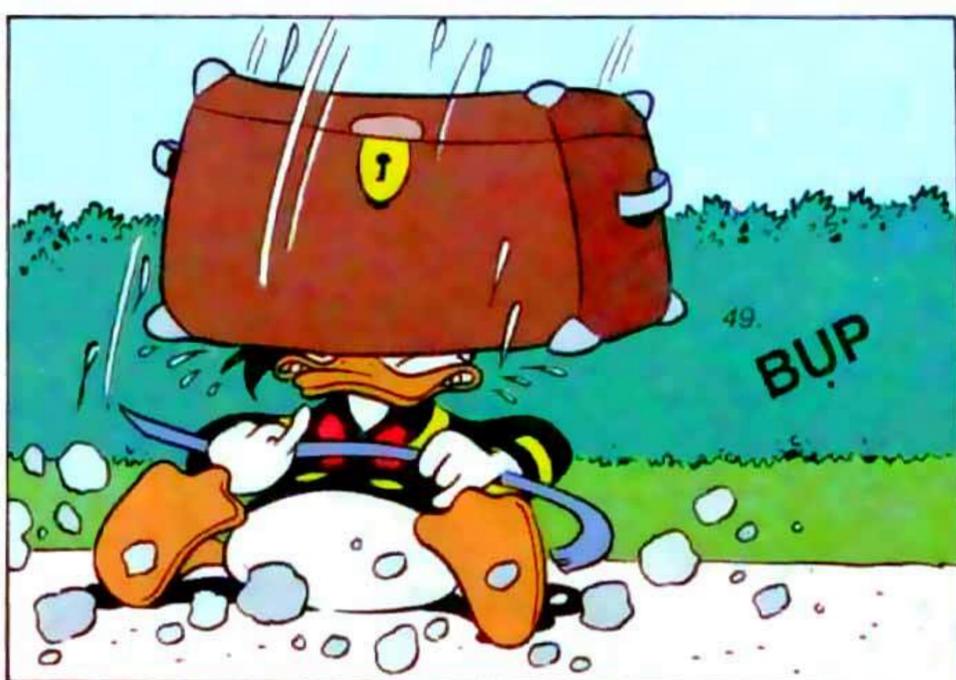
46. Ngh! Come on, you machine age clam! Yawn!

47. RRRR



48. BÌNH

48. BOING



49. BỤP

49. THUMP



50. Chú thấy là phải có biện
pháp mạnh hơn mới xong!

50. I can see where hardier measures are called for!



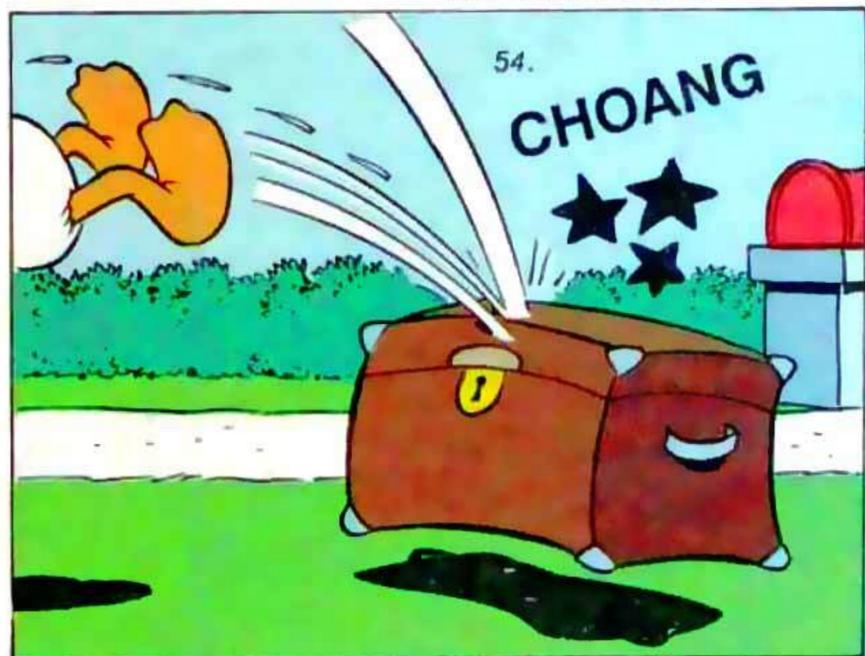
51. Here, Unca Donald!



52. Maybe you can break into it with the axe!



53. Good idea! I'll give it a good old Paul Bunyan roundhouse!



54. BWANG

55. THUNK

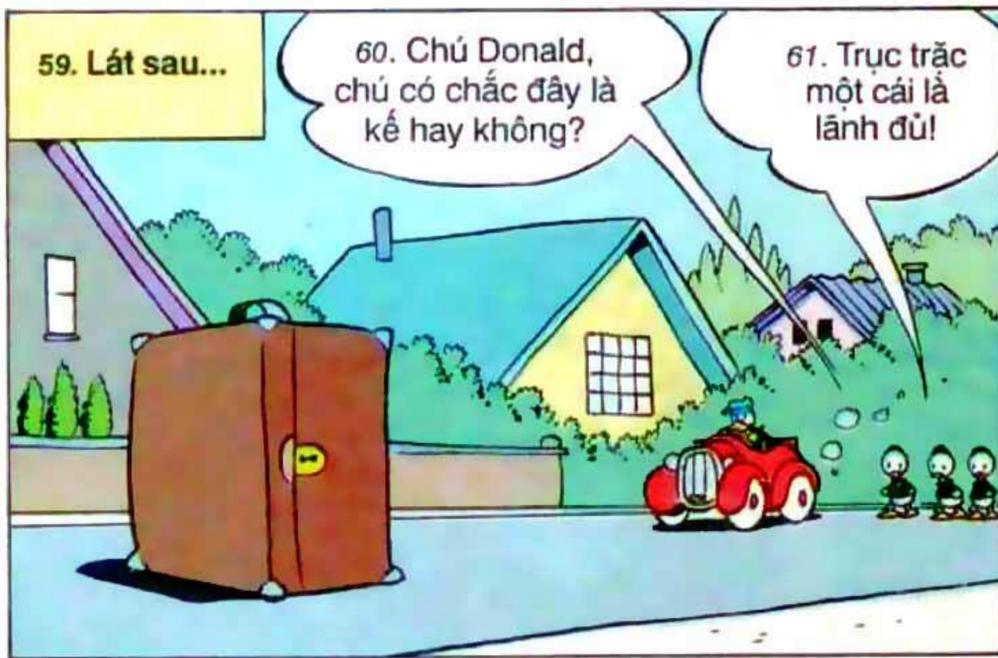


56. No luck, Unca Donald!

57. You barely dented it!



58. So! That Bush-league bank vault wants to play rough, does it? Well, I can play rougher!



59. Soon — 60. Are you sure this is a good idea, Unca Donald?

61. All sorts of things can go wrong!

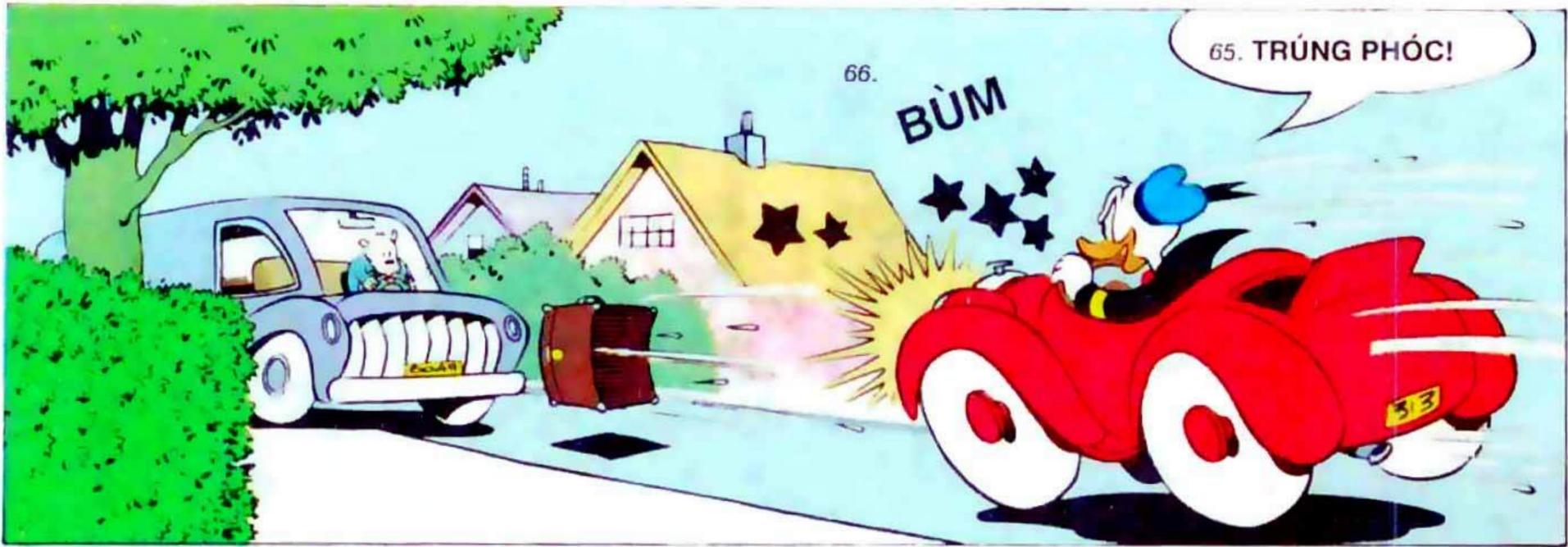


62. Don't worry, boys! One good thump from ol' number 313, and that trunk'll say "ah" in six languages!



63. Heads up!

64. VROOM VROOM



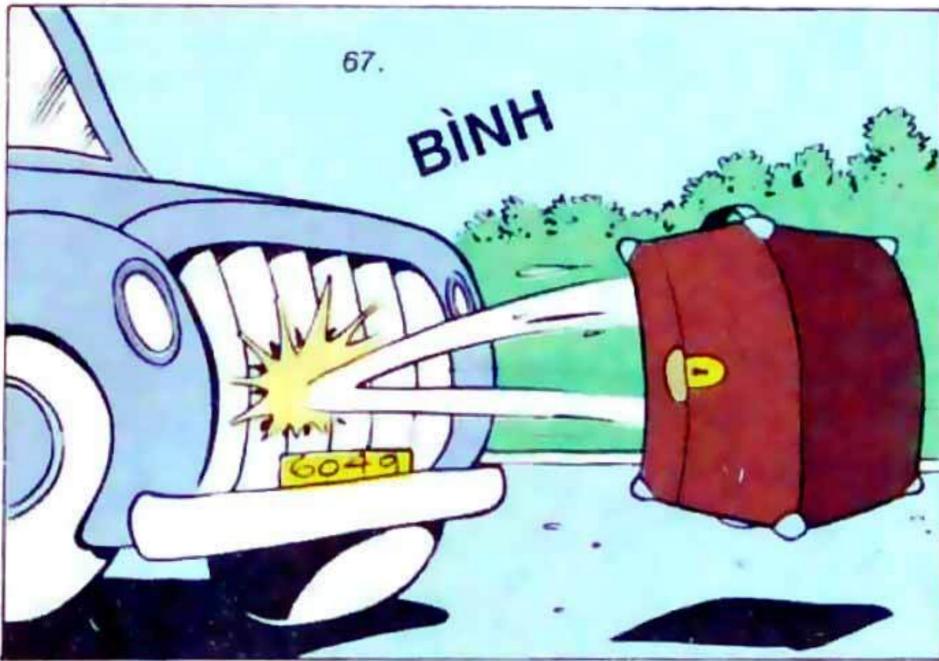
65. TRÚNG PHÓC!

66.

BÙM

65. BULLSEYE!

66. BUMP



67.

BÌNH

67. BOING



68.

OÀNH

68. WHAM



69. Để chú nghĩ xem! Cái rương vẫn còn đóng chặt, hả?

70. Nó vẫn chưa chịu phép đâu, chú!

69. Let me guess! The trunk is still closed up tight, right?

70. It isn't singing Dixie!



71. Nay giờ chú đã nhẫn nại lắm rồi, đã đến lúc phải ra đòn sấm sét đây!

71. I've been patient up to now, but the time has come to unleash the Blizkreig!



72. Ánh mắt chú Donald cho thấy sẽ có thêm chuyện rắc rối gì đó!

73. Ước gì mình đừng bao giờ nhìn thấy cái rương đó!

72. Unca Donald has that look in his eye that can only mean more trouble!

73. I'm beginning to wish we'd never seen that trunk!

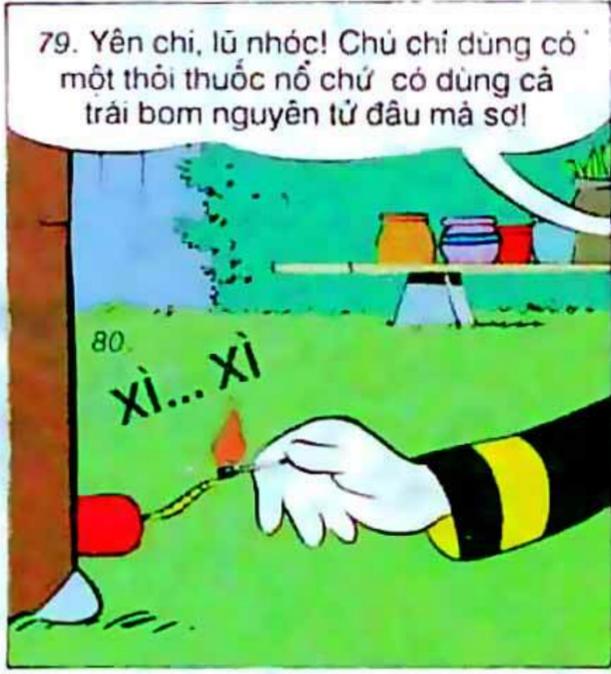


74. Lẽ ra tụi mình phải bịt miệng lại và đừng có đá động gì đến những kho tàng bí mật!

74. We should have kept our mouths shut about unrecognized treasures, too!

75. Một lát sau, Donald đã sẵn sàng ra đòn sấm sét đánh vào cái rương!

75. A short time later, Donald is ready for his blitz on the trunk!



76. But Unca Donald! Dynamite?

77. Isn't this going just a bit too far?

78. What if you demolish the trunk and whatever's inside?

79. Relax, guys! I'm using one stick of dynamite, not an atomic bomb!

80. SIZZLE



81. The neighbors are going to love this!

82. Keep quiet and keep down!

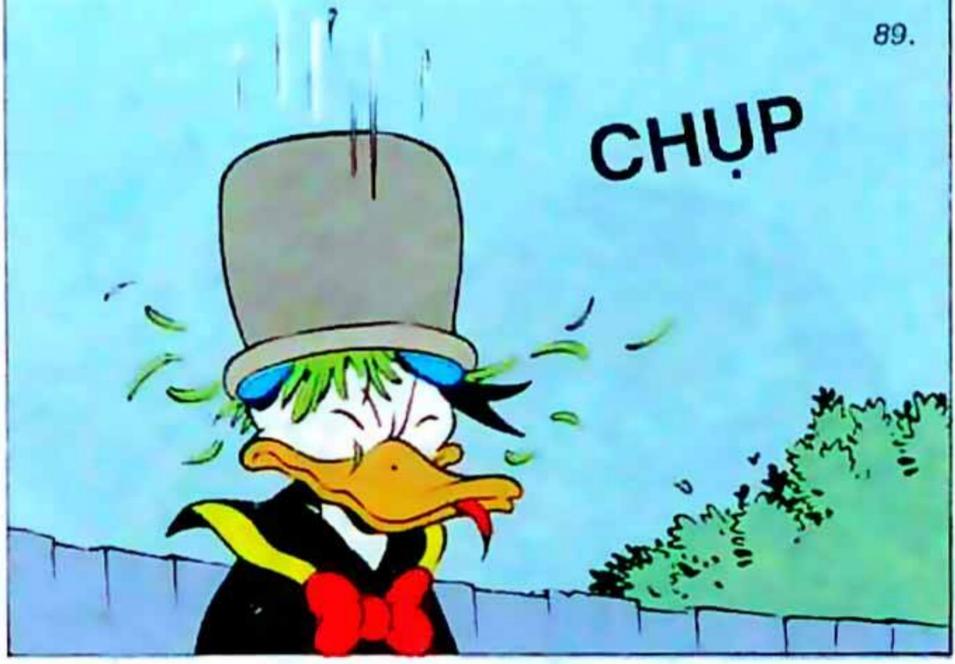
83. BOOM



84. Good! Preeety much straight up! At least this time I won't get clobbered!

85. THUD

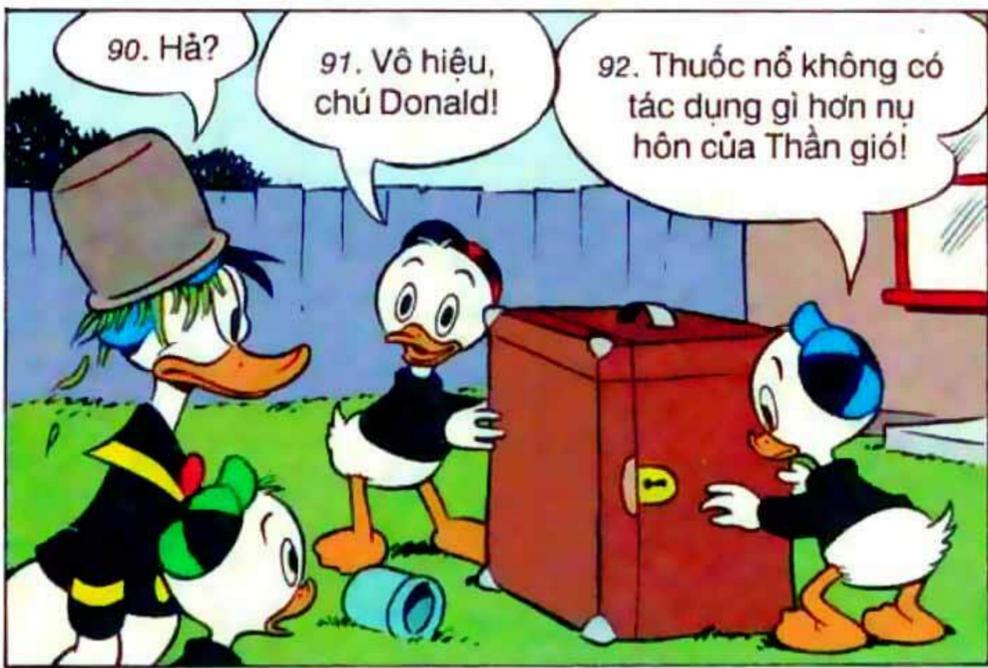
86. FLIP



87. OW

88. BONK BONK BONK BONK

89. CHOOF



90. Well? 91. No soap, Unca Donald! 92. The dynamite had no more effect than the kiss of Zephyr!



93. Why don't we just forget about the trunk, Unca Donald! 94. And the "treasure", too! The only thing that would open this trunk is an atomic bomb!



95. And you don't have one! 96. No, but I've got one more idea to try! So hoist that tight-lipped terror onto your wagon and let's get going!

97. Sau khi qua nhiều khu phố và leo lên các cầu thang...
97. Several blocks and many flights of stairs later —



98. It's too bad that elevators haven't been invented yet! 99. We sure could have used one! 100. Very funny! But I didn't want anyone asking us what we're up to! It was better to use the stairs!



101. Easy for you to say! 102. There's an empty parking lot on this side of the building!

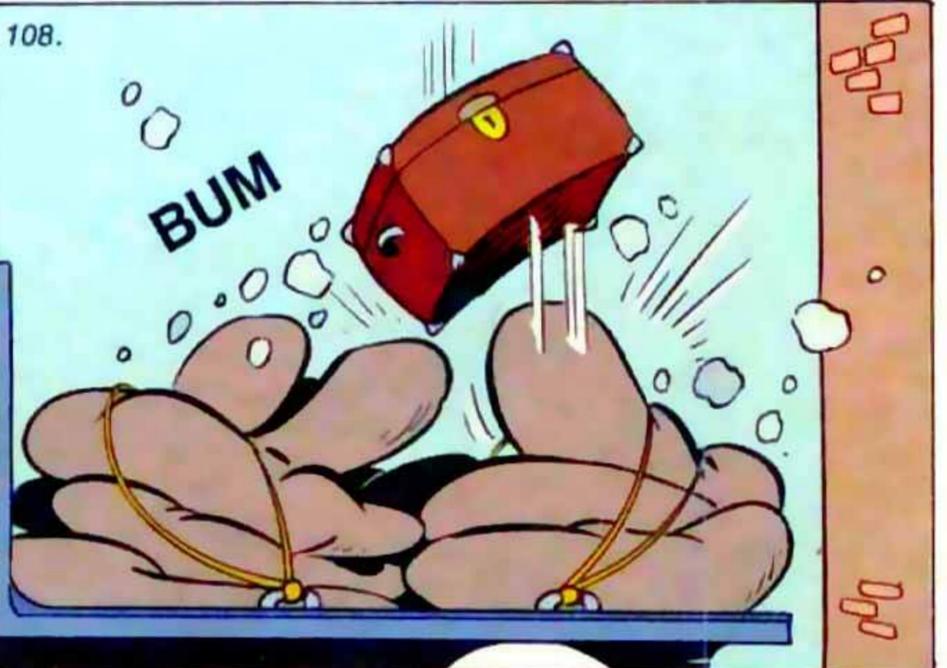
103. Nhưng than ôi, bãi đậu xe không còn trống nữa vì mới có thêm một cái gì đó!
103. But alas, something new has been added!



104. But, Unca Donald — 105. No buts! If a ten story fall onto concrete doesn't bust this thing open, I'll eat my hat! 106. ACE FOAM RUBBER INC.



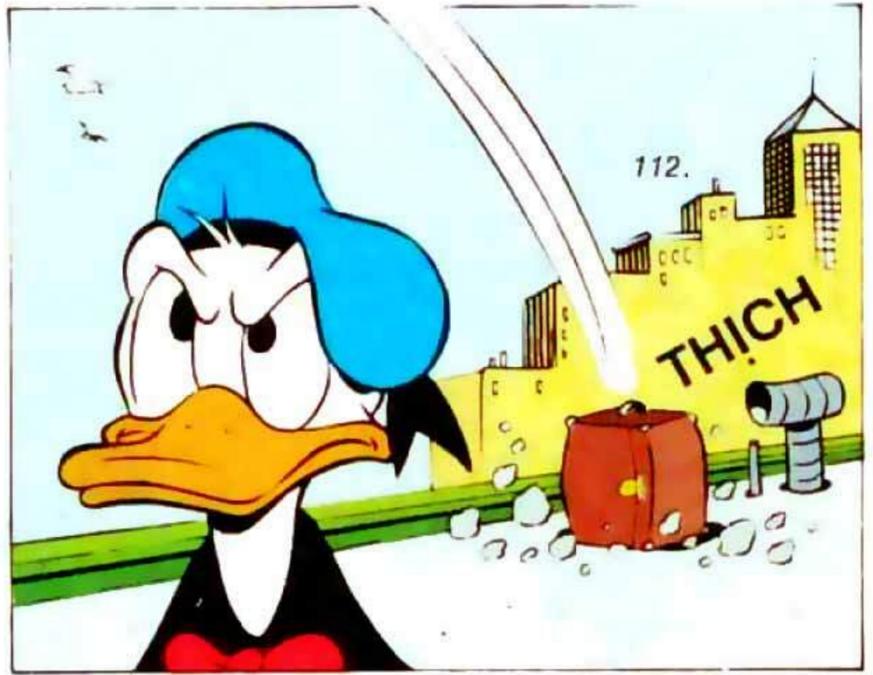
107. Bombs away!



108. BWUMP



109. Would you like it with catsup, or mustard? 110. Oh, my everlasting sorrowful stars! 111. ZIP



112. THUD



113. Soon, though another try is made — 114. Let's hope it works this time! 115. Who cars? At least we don't have to carry it down!



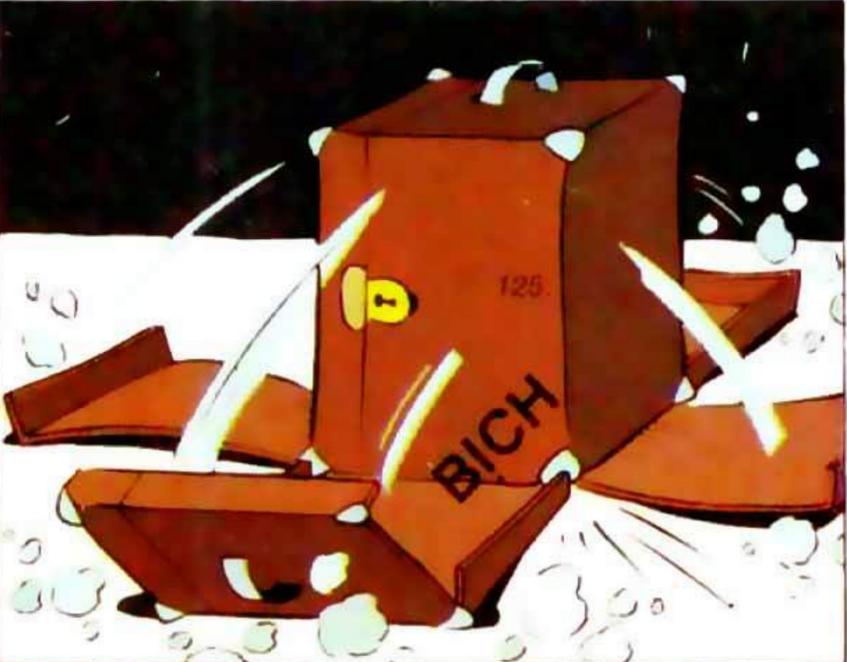
116. On target! Let's go pick up the pieces! 117. And wallow in the riches! 118. KARUMPH



119. But alas — 120. I don't believe it! The doggone thing is still in one piece!



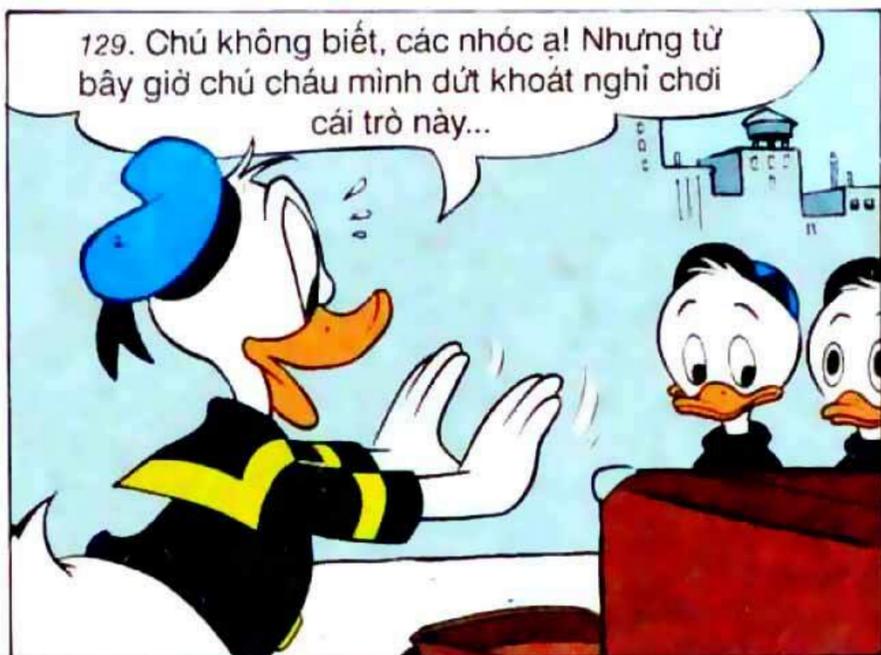
121. This is spooky! 122. It must be a trunk from another planet!



123. If I could, I'd kick it to another planet!



124. THUMP 126. All of this grief for another trunk? 127. And it's exactly alike! 128. What kind of screwball business is this?



129. I don't know, boys! But it's a business we're getting out of right now!



130. But, Unca Donald, what if —

131. Chẳng có "giả như" gì cả! Cho dù ở trong cái rương này có chứa cả giấy chủ quyền xứ dầu lửa A-rập Saudi thì chủ cũng chẳng thêm ngó tới nữa!

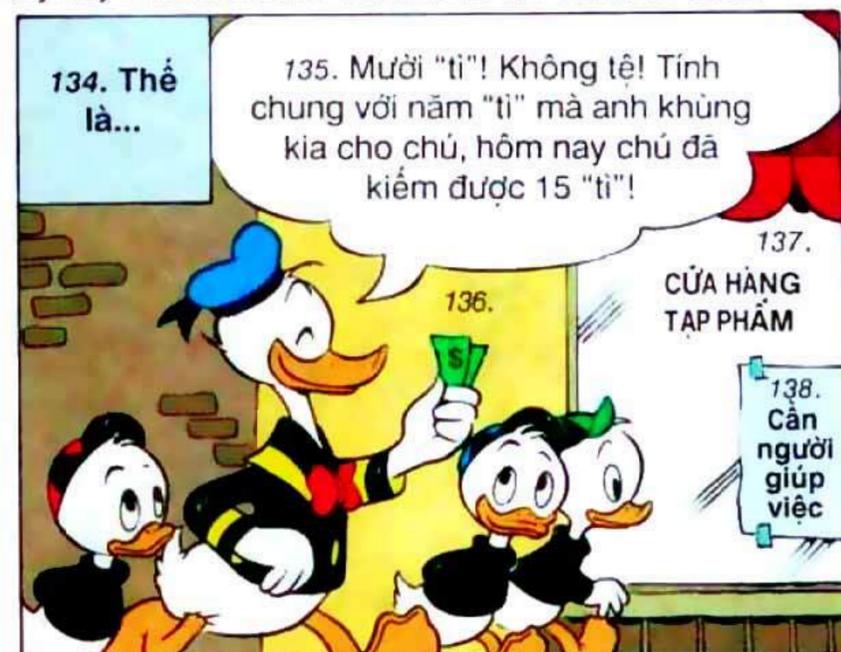
131. What if nothing! I don't care the deed to Saudi Arabia is in this trunk, I'm finished with it!



132. Pardon me, sir, but I couldn't help overhearing! By any chance is this marvelous old trunk for sale!



133. !



134. And so — 135. Ten buck! Not bad! With the five bucks that other nut gave me, I'm fifteen bucks ahead for the day! 136. \$ 137. GHOC 138. HELP WAN APPL WIT 139. It isn't exactly treasure! 140. Nope! But it isn't exactly a poke in the eye, either! 141. And best of all, we're rid of goodness knows how many trunks!



139. Không thể nói đó là kho báu!

140. Không! Nhưng cũng chẳng phải là đồ bỏ!

141. Và chỉ có trời mới biết là mình đã bao nhiêu lần tống khứ cái rương đó!



142. Lại đây nào, lũ nhóc! Đi uống soda nào!

142. Come one, boys! Let's go for sodas!

143. NO GO OOM WA PO I.

144. FOOGS



CHUỘT MICKEY

Mickey - Ngôi sao trong rạp xiếc

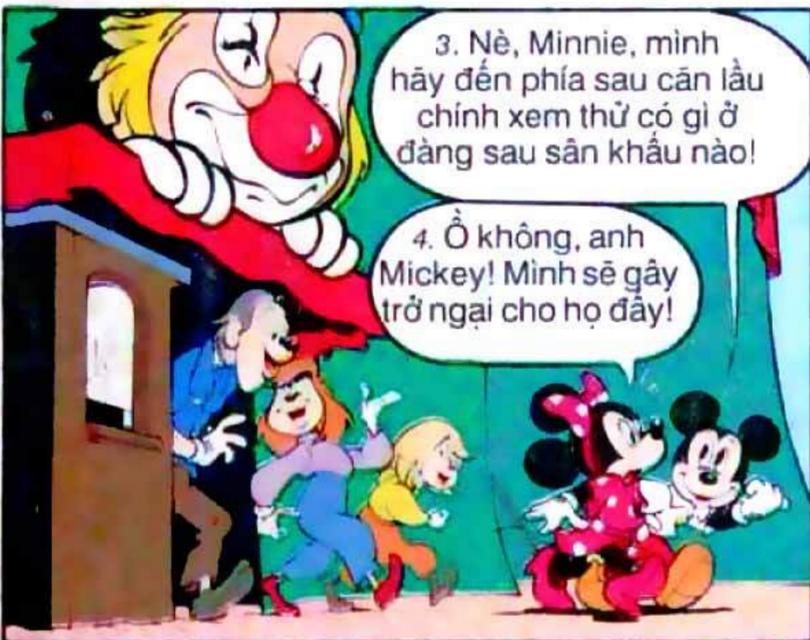
Người dịch : NGUYỄN TƯỜNG MINH



1. Xem xiếc
thật là đã!

2. Ước gì buổi diễn
đừng kết thúc!

1. The circus was so exciting! 2. I sure wish it wasn't over!



3. Nè, Minnie, mình
hãy đến phía sau căn lều
chính xem thử có gì ở
đằng sau sân khấu nào!

4. Ô không, anh
Mickey! Mình sẽ gây
trở ngại cho họ đây!

3. Hey, Minnie, let's go behind the big top and see what goes on behind the scenes! 4. Oh no, Mickey! We'll just be in the way! 5. Aw, c'mon, Minnie - just a peek! 6. Gee, wouldn't it be great to be in the circus?! 7. You always want to try everything you see, Mickey Mouse!



5. Ôi dào! Đi
nào Minnie -
ghé nhìn một
xiu thôi mà!

6. Này, tham gia đoàn xiếc
hẳn là thích thú lắm nhỉ?!

7. Mickey, anh có tật
thấy cái gì cũng
muốn thử!



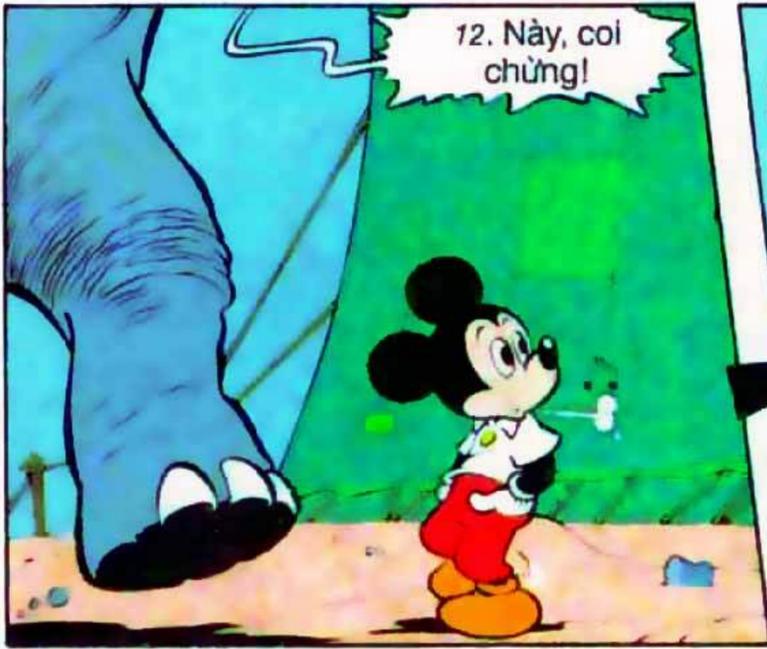
8. Nếu thấy có ai phóng qua
một cây cầu xuống sông hẳn
là anh cũng muốn lao theo!

9. Đúng, nếu như
họ nhảy mà có
thiết bị hỗ trợ!

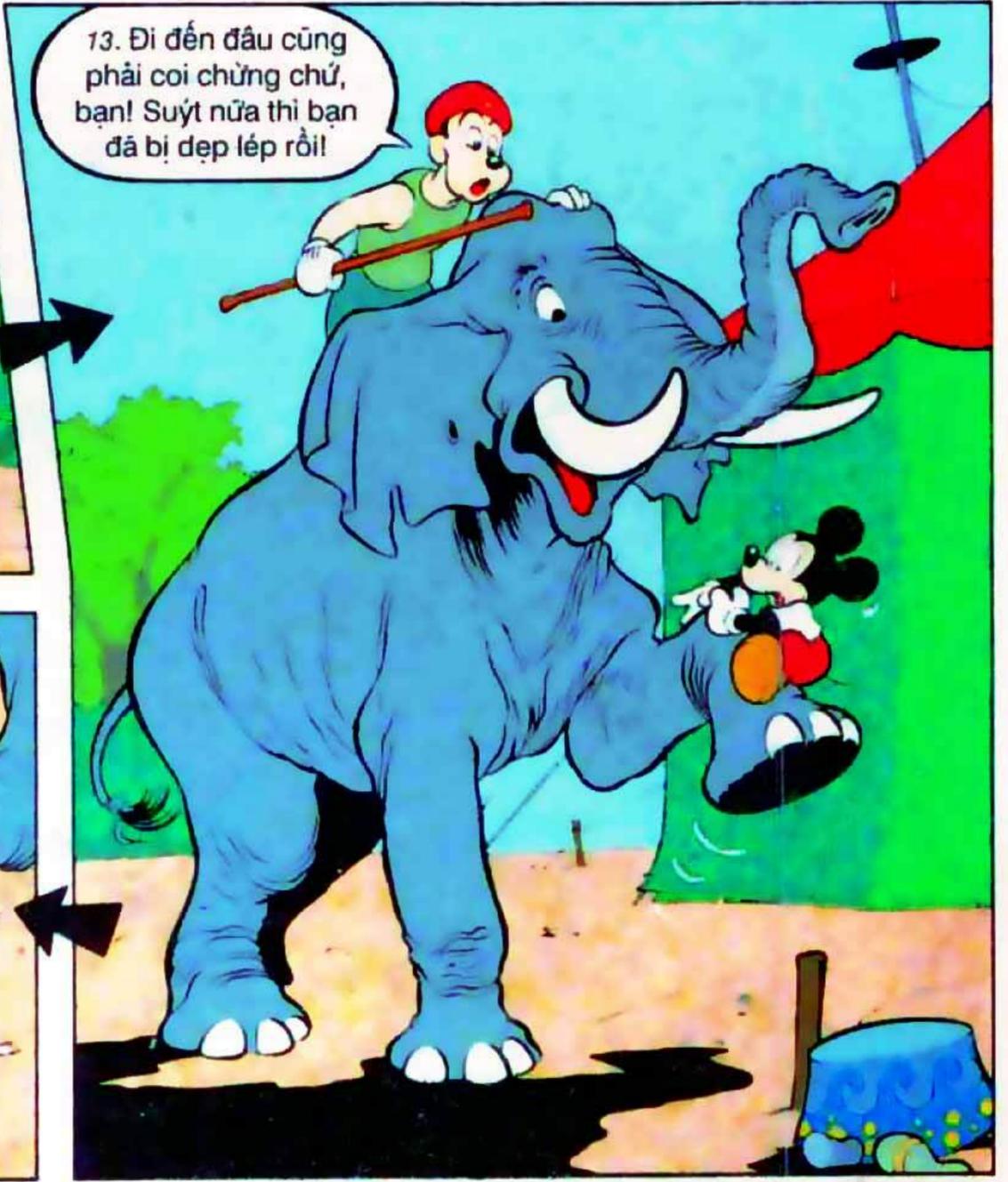
10. Thôi thì anh cứ làm
tới đi cho vui! Có
điều là chớ sa đà
quá mức nhé!

11. Cảm ơn Minnie!
Anh sẽ gọi điện cho
em sau, anh hứa!

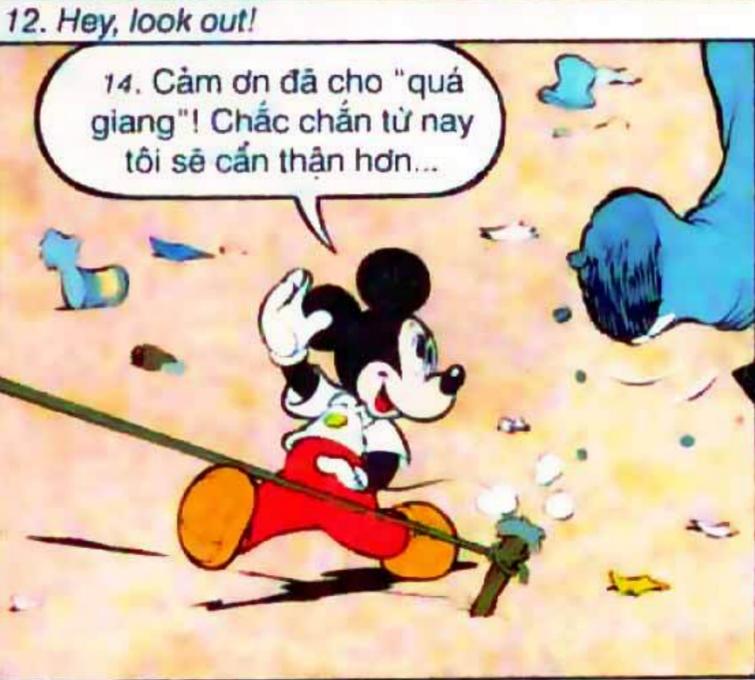
8. If you saw someone jumping off a bridge, you'd want to do that too! 9. Well, maybe if they were bungee jumping! 10. (Sigh!) Oh, go ahead and enjoy your little adventure! Just try not to get too carried away, dear! 11. Thanks, Minnie! I'll call ya later, I promise!



12. Này, coi chừng!

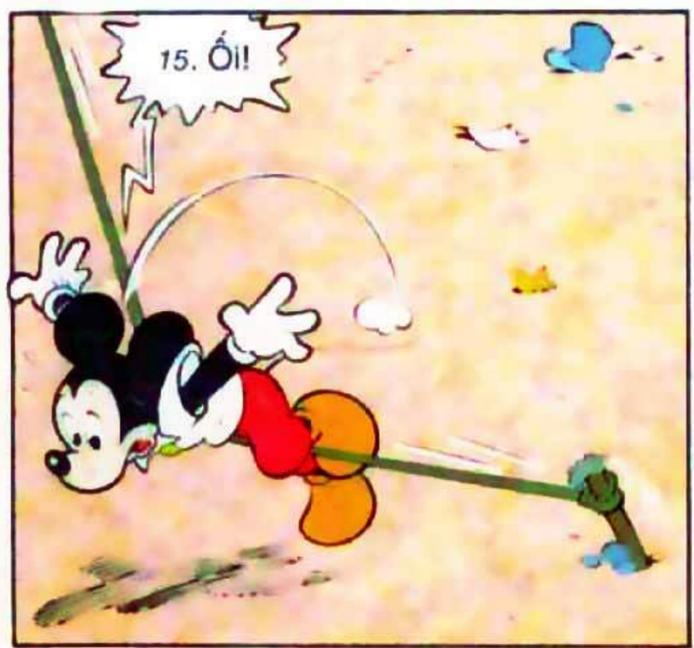


13. Đi đến đâu cũng phải coi chừng chứ, bạn! Suýt nữa thì bạn đã bị dẹp lép rồi!



14. Cảm ơn đã cho "quá giang"! Chắc chắn từ nay tôi sẽ cẩn thận hơn...

12. Hey, look out!
13. You ought to watch where you're going, Fella! You almost got flattened!
14. Thanks for the lift! I'll make sure to be more careful from n...



15. Ối!



16. Hay quá, anh bạn!

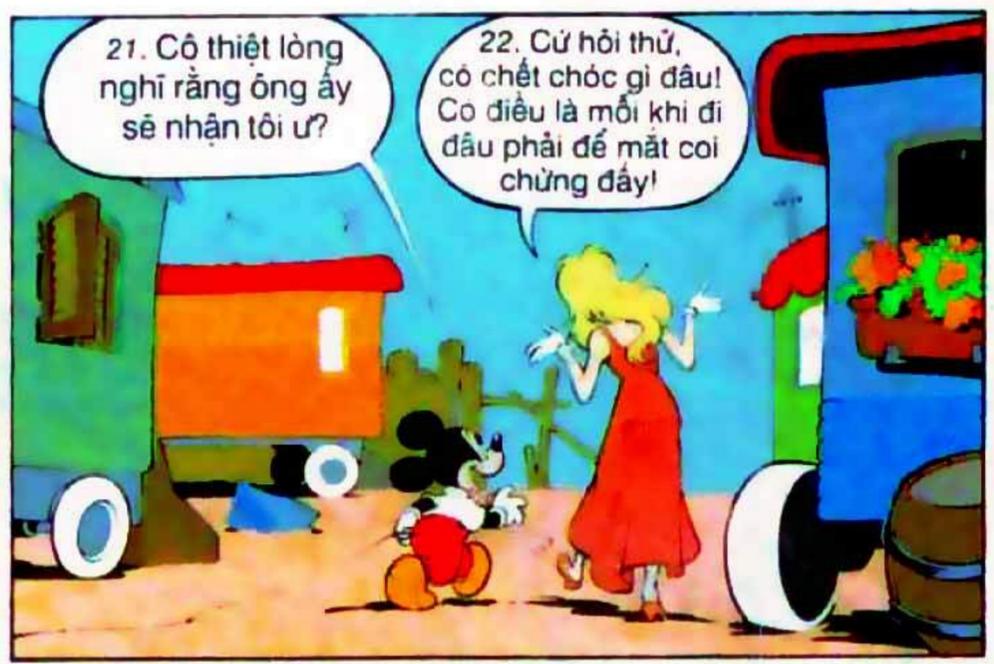
17. Hay hớm gì đâu!

15. Whoops!
16. Boy, you're pretty good!
17. (Gasp) Yeah, good for nothing!



18. Tôi muốn gia nhập đoàn xiếc này lắm lắm - nếu như tôi chắc là sẽ không phá tanh banh nó ra!

19. Vậy tại sao bạn không xin ông Trưởng ban biểu diễn một việc làm?



21. Cô thiệt lòng nghĩ rằng ông ấy sẽ nhận tôi ư?

22. Cứ hỏi thử, có chết chóc gì đâu! Có điều là mỗi khi đi đâu phải để mắt coi chừng đấy!

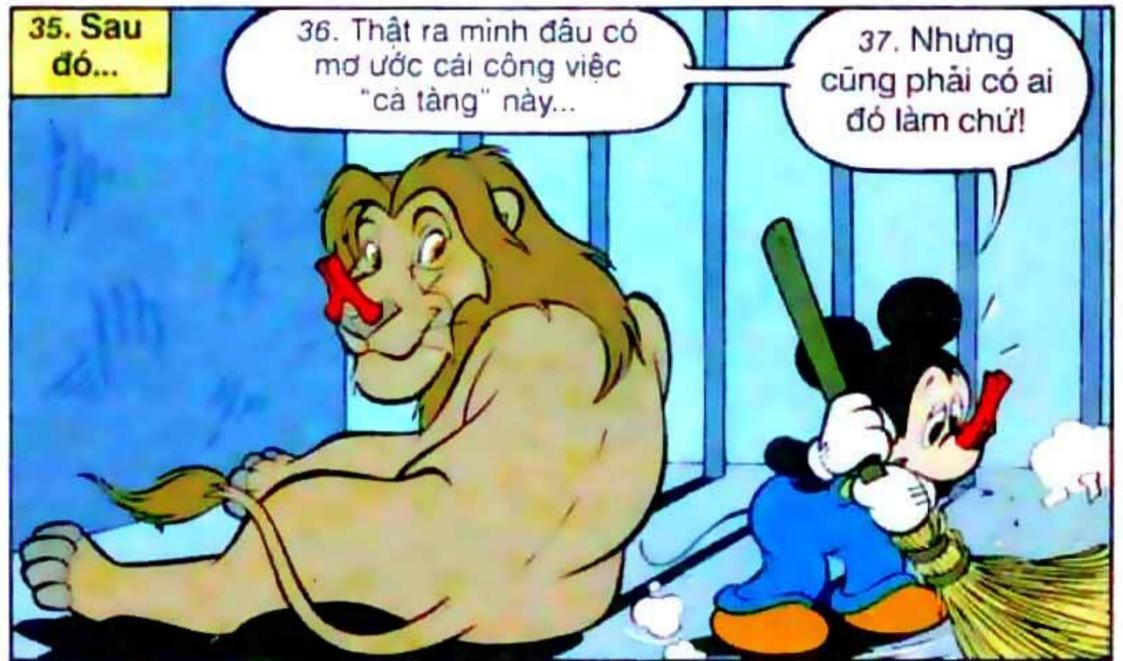
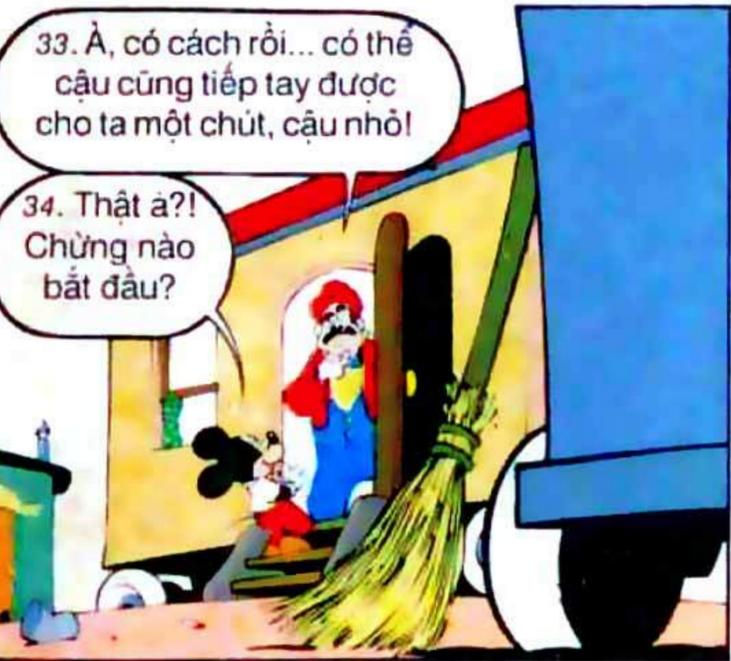
18. I'd sure love to be part of the circus - if I can manage not to demolish it!
19. Well, why don't you ask the Ringmaster for a job?
20. ROSEANNA THE BEARDED LADY
21. Do you really think he'd let me work for him?
22. It can't hurt to ask! Just watch where you're going!



23. No! No! NO! Now, don't ask me again! 24. (Gulp!) 25. Ringmaster 26. You're so mean! (Sob!) 27. Wendy, come back here - and stop that infernal whimpering! 28. First the cage sweeper quits and now this! What a day!



29. Excuse me, but I... 30. Who the devil are you - and what are you doing hanging around my trailer?! 31. I, uh, m-myname's Mickey Mouse, sir! I'm looking for a job in your circus! 32. Don't have any! Now, beat it!



33. On second thought... maybe you can lend a hand after all, son! 34. Really?! When can I start? 35. Later - 36. This isn't exactly the job I had in mind... 37. But, I guess somebody's gotta do it!



38. Congratulations on the new job, Mickey! How's it going? 39. Not so hot! I really want to do something more challenging, but I'm not sure what! 40. I suppose you could always work with me! Then again, what's new with a beardless, male, mouse?! 41. Thanks for the offer! But, yes, I think you've got a point there!



42. Hey, what's that?!

44. Grrrumph!

45. Why is that one so sad? Doesn't she have a dancing partner?



46. I'm afraid not - Ginger can't seem to get the hang of it and I don't have time to teach her! 47. Mind if I give it a try? I know a step or two! 48. Sure, Pall! Let's try a Waltz! 49. Pardon me, miss, may I have this dance? 50. Grrrr?



51. One, two, three! One, two... (Ouch!)... three... 52. Maybe we should slow it down a little! (Ouch!) 53. Eventually - 54. One, two... hey, I think she's got it! Pick up the pace, Maestro! 55. My pleasure!

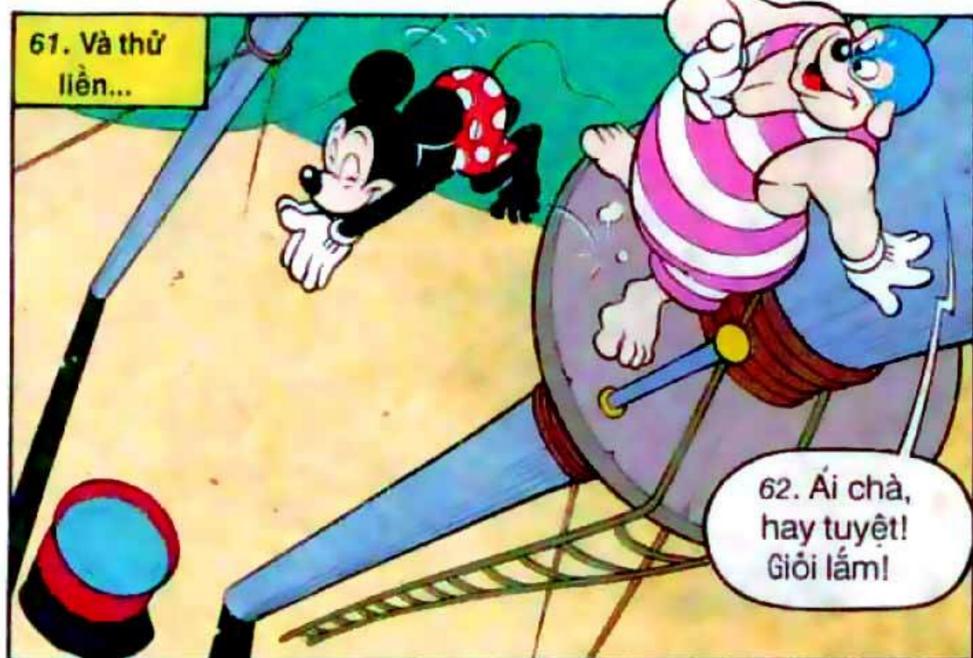


56. Too bad you're not a bear, or I'd hire you for my act! With that kind of grace, though, you might try tumbling!

57. That sounds like good advice! Thanks, Maestro!



58. And try he does - 59. Are you sure you don't want to join our act, Mickey? We can always use a good tumbler!



60. Y-Y-Yes, I'm sure!
61. And try - 62. Hey, great! You're doing fine!



63. Oops! I guess my aim's a little off!



64. Until - 65. This is ridiculous! There's gotta be something I can do besides sweeping cages and dancing with bears... 66. Okay, hali-but's are wild - as usual!



67. Who beats four Flounders, huh?! 68. What're you looking at? Ain't ya never seen a clown before? 69. Ah-hem...Actually, I was just wondering - could you use me in your act, maybe?



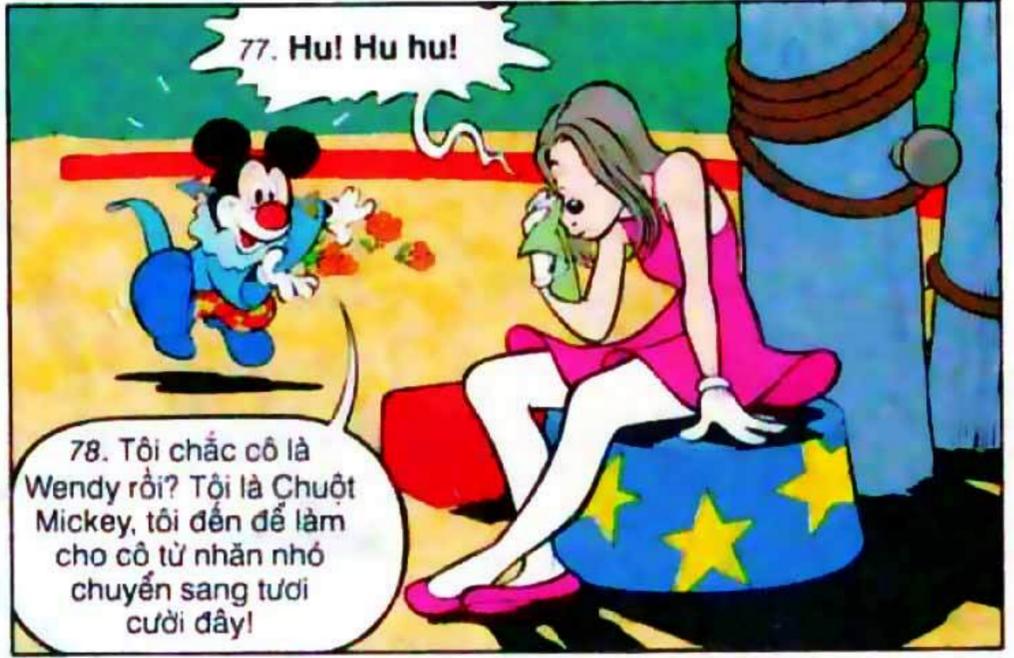
70. Listen, kid, it takes years of training to be a clown! What makes you think you're funny enough to even try? 71. Well... I make my friends laugh...



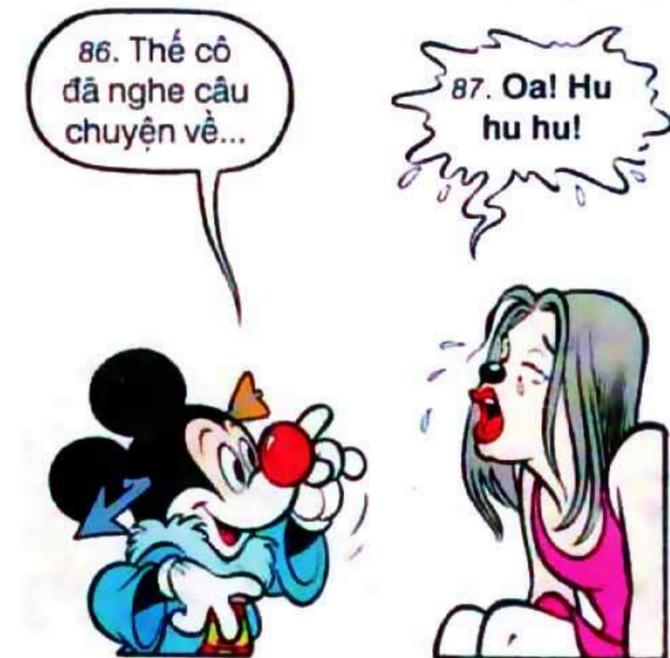
72. Whadda ya say we give him the Wendy test?! 73. Good idea, Pinky! That'll teach him comedy ain't for amateurs!



74. And so - 75. So, all I have to do is find this "Wendy the Weeper" and make her laugh and the clowns will accept me! I wonder where she... Huh? 76. Boohoo-hooo! Sob!



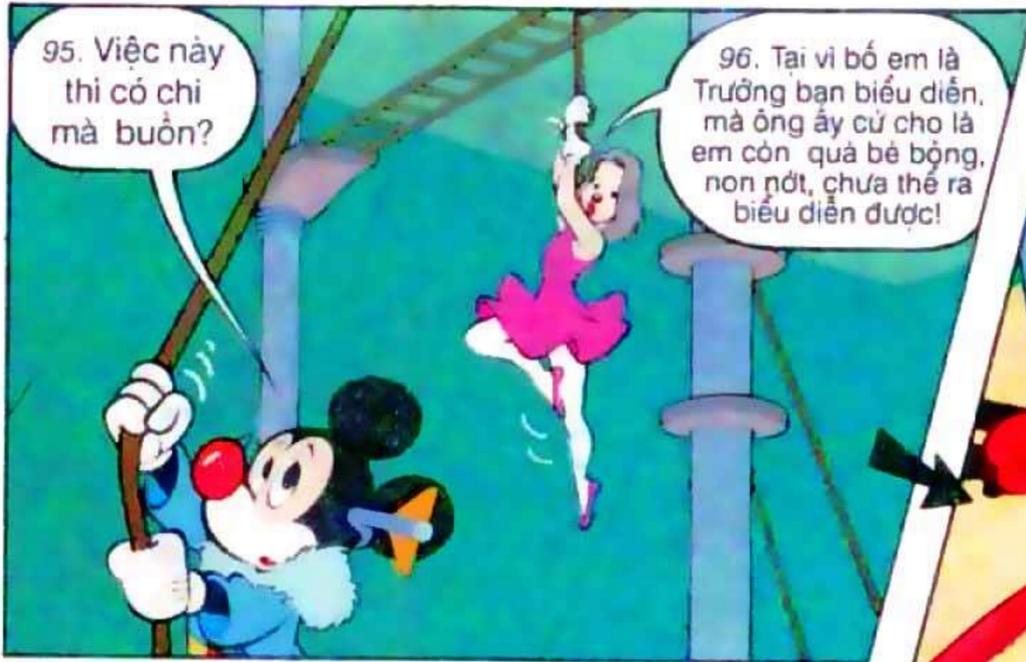
79. But, Wendy proves to be a tough audience - 80. ...and that's how I saved Ginger's career! 81. (Sob!)



86. Did you hear the one about... 87. Whaaa! Boo Hoo! 88. Gee, I don't really feel much like being funny anymore! (Sniff!) 89. (Sob!) 90. (Sniff) Huh?! What's wrong?



91. Why are you crying? 92. I don't know! I guess because you were! 93. Why were you crying, anyway? 94. I'll show you if you like! I'm quite a good aerialist, you see!



95. Việc này thì có chi mà buồn?

96. Tại vì bố em là Trưởng ban biểu diễn, mà ông ấy cứ cho là em còn quá bé bỏng, non nớt, chưa thể ra biểu diễn được!



97. Bà Danglia đã huấn luyện em - bà ấy là ngôi sao sáng trong đội đu bay! Bà ấy muốn nghỉ hưu mà bố em thì không chịu để bà ấy rút chân ra khỏi hợp đồng!

98. Bố em còn chẳng chịu cho em diễn thử! Ông ấy quá cố chấp!



95. What's so sad about that?

99. Hừm...! Tôi nghĩ là có cách để cô được diễn thử, Wendy ạ! Ngay buổi diễn tôi nay thôi!

100. Sao kia? Làm sao anh lo nổi chuyện ấy?

96. My father, the ringmaster, thinks I'm too young and inexperienced to perform! 97. Madame Danglia's been training me - she's our aerial star! She wants to retire, but Daddy won't let her out of her contract! 98. He won't even let me audition for him! He's so stubborn! 99. Hmm... I think I know how to get you an audition, Wendy! During tonight's show!



101. Chẳng biết cái anh chàng mà ta đỡ đầu làm ăn ra sao?

102. Thật khó tin - anh ta đã làm cho Wendy cười nắc nẻ kia!

103. Trước giờ ta chưa từng thấy con bé cười mỉm lần nào!

104. Ha ha! Anh tài lắm, Mickey! Em khó lòng chờ nổi tới tối nay!

101. How's our little protégé doing? 102. I don't believe it - he actually made Wendy laugh! 103. I've never even seen her smile! 104. Ha! Ha! You're so clever, Mickey! I can hardly wait until tonight!



105. Cậu có khiếu bẩm sinh đó, nhóc!

106. Cậu có thể diễn cùng bọn tớ tối nay được không?

107. Dạ... Được lắm chứ! Tôi thích lắm! Nhưng để lát nữa gặp lại các bạn, nhé?



108. Ừa, hãy đến cái xe moóc của chúng tôi để ăn tối nhé! Nay anh là người trong nhóm rồi!

109. Cảm ơn các bạn! Hẹn gặp lại!

105. You're a natural, Kid! 106. Can ya perform with us tonight? 107. Er... Sure, I'd love to! But, can I meet you later? 108. Yeah, just come to our trailer for dinner! You're one of us now! 109. Thanks, Fellas! I'll see ya later!



110. Lát sau...
 111. ... Đó, vì vậy mà tui mong được bà giúp cho! Bà nghĩ sao?
 112. Tôi nghĩ cậu là một chú chuột nhỏ dễ thương, có một kế hoạch nhỏ xuất sắc!
 113. Và xin hứa là tôi sẽ đóng tốt vai trò để ai cũng phải tin!



116. Và thật vậy...
 117. Ồi, đau quá! Chịu hết nổi... Tôi không thể nào diễn trong tình trạng này được!
 118. Nhưng moi đâu ra một tay đu bay để diễn tối nay đây?

110. Soon - 111. ... So, that's, why I need your help! What d'ya think? 112. I think you are a charming little mouse with a brilliant little plan! 113. And I shall be most convincing in my role, I assure you! 114. Danglia Delights Deepest Africa - 115. Don't try this at home! 116. And convincing she is - 117. Oh, the pain! It is too much - I cannot perform in this condition! Ohhhh! 118. But, where will I find another aerialist to go on tonight?



119. Tôi biết một người có thể diễn màn ấy tối nay! Tên cô ta là cô, à ...cô Wendelia!
 120. Tôi chưa hề nghe đến cô ta!



121. Bà Wendelia à? Tài nghệ tuyệt vời! Ồi...đau quá!
 122. Thôi, chẳng còn cách nào khác! Mời bà ta đến cho kịp giờ diễn, anh Chuột, bằng không anh sẽ bị đuổi!
 123. Thưa vâng!

119. I know someone who could do the show tonight! Her name is Mademoiselle, er... Wendelia! 120.. But, I've never heard of her! 121. Madame Wendelia? She is excellent! Ohhh... the agony! 122. Well, I don't have much choice! Have her here in time for the show, Mouse, or you're fired! 123. Yes, sir!



124. Tôi hôm đó...
 125. Thưa quý ông, quý bà và các em thiếu nhi đủ mọi lứa tuổi!
 126. Đặc biệt tối nay, xin hân hạnh giới thiệu một màn đặc sắc - do tay đu bay nổi tiếng thế giới...
 127. Bà W - Wendy?!!
 128. Ta bị lừa rồi... Tất cả là tội của con chuột kia! Đợi đấy, ta sẽ tóm cổ mi!

124. That evening - 125. Ladies, Gentlemen, and Children of all ages! 126. For tonight only, we proudly present a special performance by the world-famous aerialist... 127. Madame W-Wendy?!! 128. I've been duped - it's all that mouse's fault! Wait'll I get my hands on him!



129. Trên kia không có tay đu bay nào cả, đó là con gái ta!

130. Cậu ta chỉ muốn tạo cơ hội để Wendy biểu diễn cho ông thấy tài năng cô ấy đến cỡ nào thôi mà!

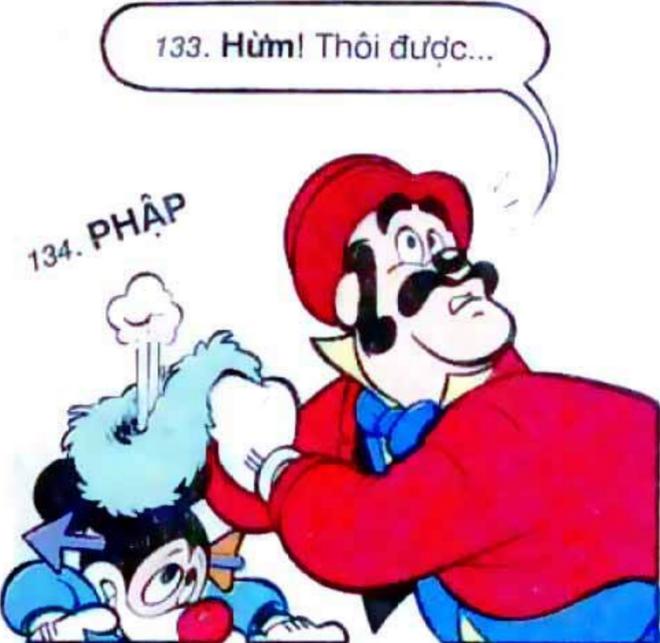
131. Hãy nhìn tận mắt coi!

132. Hoan hô!

129. That's no aerialist up there, that's my daughter!

130. He only wanted to give Wendy a chance to show you how talented she is!

131. Look, see for yourself!
132. Hooray!!!



133. Hừm! Thôi được...

134. PHẬP

133. Huh?! Well, I'll be...
134. ZIP!



135. Ủi, nóng tính quá! Ta trốn vào đây cho đến khi ông cụ nguội giận!

135. Whew, what a temper! I'd better hide in here 'til he cools off!



136. Sao chẳng ai cho ta hay con nhỏ tài đến thế nhỉ?

137. Hoan hô! Hoan hô!!!

138. Tụi này đã nói rồi! Ông có thèm nghe đâu, vì vậy phải cho ông thấy!

136. Why didn't anyone tell me how good she was?!
137. Bravo! Hooray!!!

138. We did you old goat! But you wouldn't listen, so we had to show you!



139. Cái gì vậy? Rõ ràng là có cái gì đó...

139. (Sniff) What is that? I could swear I smell something...



140. ...đang cháy...

141. BÙM

140. ... burning!

141. PABOOM!



142. Ủi cha!

143. BANG

142. Ooof!!

143. BWOING!



144. Just like I said from the start – the kid's a natural-born clown!
 145. Whoooa!
 146. Hey!
 147. Yikes!
 148. Unf!
 149. HA! HA! HA! HA!



150. G-Gee, Minnie, I thought ya didn't like f-fur coats...
 151. Ha! Ha! Ha! Hooray!



152. Great Job, Kid! You really had 'em howling!
 153. Your act'll be a great addition to our show! Congratulations!
 154. Th-Thanks, but I...



155. I couldn't have done it without you, Mickey! Thanks a million!
 156. You'll always have a job with our circus, son!
 157. Th-Thanks, but I...



158. Well, I suppose you'll be wanting to tour with the circus now! Don't worry, I won't stand in the way of their star performer!
 159. Th-Thanks, but I...
 160. I mean, no thanks!!



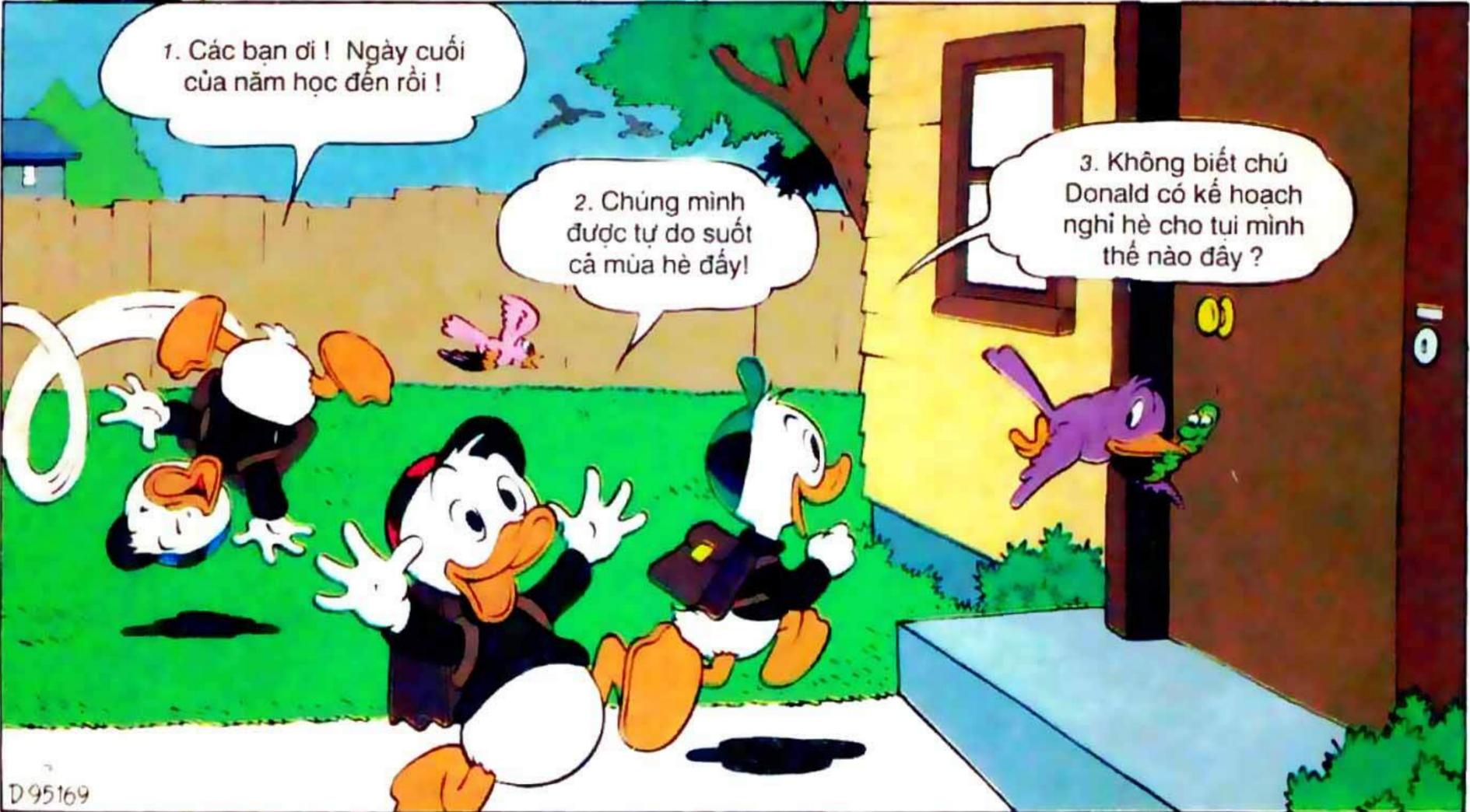
161. And so –
 162. I've had my fill of circus life, Minnie! You're all the excitement I need!
 163. From now on, I'll be content to watch from the sidelines, I promise!
 164. At least until the next circus comes to town! Ha Ha!



VỊT DONALD

Phòng cho thuê

Người dịch : NGỌC HUỆ



1. Các bạn ơi ! Ngày cuối của năm học đến rồi !

2. Chúng mình được tự do suốt cả mùa hè đây!

3. Không biết chú Donald có kế hoạch nghỉ hè cho tui mình thế nào đây ?

D95169

1. Oh boy! That was the last day of school!

2. We're free for the whole summer!

3. I wonder what vacation plans Unca Donald has for us?



4. Chú Donald ơi, năm nay mình sẽ nghỉ hè ở đâu vậy ?

5. Lướt bè trên sông ở một vùng núi nào đó?

6. Hay đến một vùng đảo nhiệt đới thiên đàng nào đó ?

7. Chà có gì hết, các chú nhóc ! Năm nay chúng ta sẽ ở nhà !

8. Cái gì ?!

9. Chú mình đang trí mất rồi !

4. Where are we going this year, Unca Donald? 5. Whitewater rafting on a mountain river? 6. Some tropical island paradise? 7. Nothing of the kind, infants! We're staying home this year! 8. What?! 9. Our uncle has lost his mind!



10. Có gì đâu ! Chú đã tìm ra cách làm giàu chỉ trong một mùa hè thôi!

11. Thôi mà, chú Donald ! Chú đừng nghĩ ra một kế hoạch nào nữa hết! Tụi cháu đã chờ đợi kỳ nghỉ hè năm nay từ hè năm trước kia!

12. Lúc này, du khách đang đổ xô đến Duckburg! Chúng ta sẽ cho họ thuê các phòng trong nhà mình và làm giàu ngay thôi !

13. Thế còn kỳ nghỉ hè của tụi cháu thì sao ?

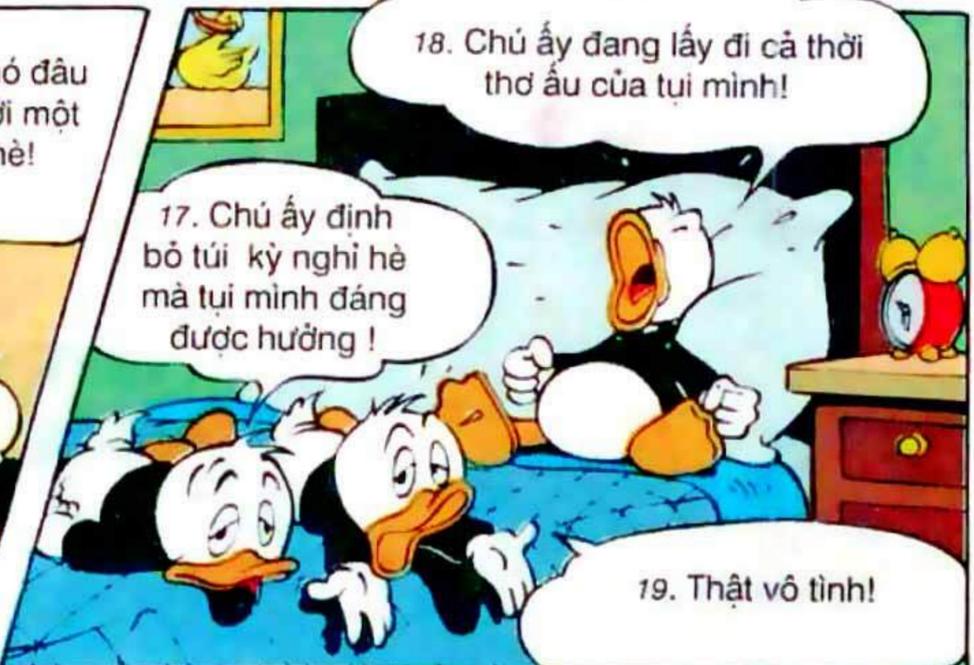
14. Chú không thể xử ép đến như thế !

10. Not at all! I've figured out a way to get rich in just one summer! 11. Please, Unca Donald! Not another one of your schemes! We've been waiting for summer vacation since our last summer vacation! 12. Even now, tourists are flooding into Duckburg! We'll rent rooms in our house to them and make a fortune! 13. What about our summer vacation? 14. You can't be serious!



15. Các cháu còn một kỳ nghỉ nữa vào mùa thu này, phải không nào? Vào lúc đó, chúng ta sẽ đủ giàu để đi du lịch vòng quanh thế giới!

16. Nhưng nó đâu có giống với một kỳ nghỉ hè!



18. Chú ấy đang lấy đi cả thời thơ ấu của tụi mình!

17. Chú ấy định bỏ túi kỳ nghỉ hè mà tụi mình đáng được hưởng!

19. Thật vô tình!

15. You have another vacation this fall, don't you? By then we'll be rich enough to take a trip around the world! 16. But there's nothing like a summer vacation! 17. He's stealing our well-deserved vacation from us! 18. He's stealing our entire childhood! 19. Only a grown-up could be so heartless!



20. Các cháu đi, chú có thể làm phiền các cháu một chút không?



21. Chú chỉ mới quét một ít bụi, các cháu phụ chú với!

22. ?

20. Oh, boy...! Mind if I bother you for a second?

21. I'll just do a little dusting and then be on my way!

22. ?



23. Rốt cuộc, những người khách chắc phải hài lòng khi họ ở trong phòng của các cháu!

24. Phòng của tụi cháu hả? Rồi tụi cháu ở đâu?



25. Có tin nổi không chứ? Minh bị tống ra khỏi phòng của chính mình!

26. Tụi mình sẽ trở thành ba kẻ không nhà, lang thang ngoài đường phố và ngủ trên những bậc cửa!

23. After all, we want our guests to enjoy their stay in your room! 24. Our room? Then where are we supposed to stay? 25. Can you believe it? Kicked out of our own room! 26. We'll be three homeless nomads roaming the streets and sleeping in doorways!



27. Rồi sao nữa?

28. Biết đâu tụi mình sẽ không được phép...

29. ...ăn nữa!

30. Này các cháu! Chú cần giúp một tay!



31. Chú không định làm phiền tụi cháu suốt mùa hè đó chứ?

32. Hãy nhìn vẻ mặt toe toét của chú ấy kia... ổng còn giấu gì sau lưng nữa chứ!

33. Hê hê!

27. What's next? 28. We probably won't be allowed... 29. ... to eat! 30. Boooy! I need your help! 31. Aren't you through pestering us yet? 32. Look at that smug grin plastered on his face... and he's got something behind his back! 33. Heh heh!



34. Một chỗ trọ cho du khách mà lại không có nhân viên phục vụ sao được?



35. Và vì chú không đủ tiền thuê ai khác những chiếc tạp dề nhỏ nhắn xinh xắn này có lẽ rất hợp với các cháu!

36. Ủi trời!

37. Ôi chào!

38. Eo đi!



39. Tụi mình... tụi mình y như bọn con gái rồi!

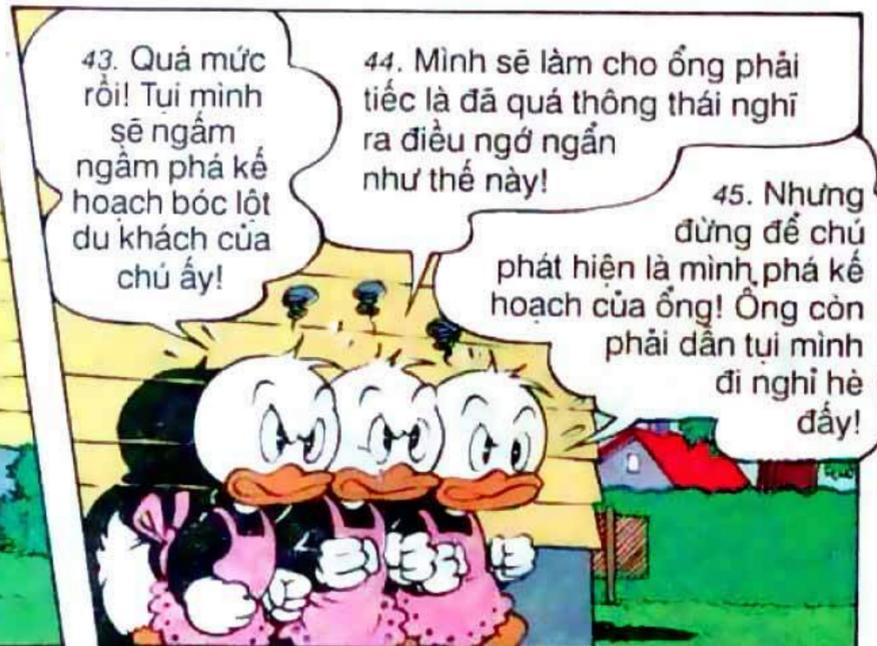
40. Chú muốn các cháu phải đối xử trọng thị với khách trọ! Các cháu phải tận dụng mọi cơ hội để làm vui lòng khách!

34. What's a tourist home without maids? 35. And since I can't afford to hire any — these pretty little aprons ought to fit you just fine! 36. Eek! 37. Ack! 38. Ook! 39. We... we look like little girls! 40. I want you to give our guests the royal treatment! You must spend every moment you're awake making them happy!



41. Tụi mình có nhất trí là chú ấy đã đẩy mình đến mức đường cùng không?

PHÒNG SANG TRỌNG CHO THUÊ
Dành cho du khách sành sỏi



43. Quá mức rồi! Tụi mình sẽ ngấm ngấm phá kế hoạch bóc lột du khách của chú ấy!

44. Mình sẽ làm cho ông phải tiếc là đã quá thông thái nghĩ ra điều ngớ ngẩn như thế này!

45. Nhưng đừng để chú phát hiện là mình phá kế hoạch của ông! Ông còn phải dẫn tụi mình đi nghỉ hè đây!

41. So do we agree that he has pushed us to the limit? 42. Deluxe rooms for rent to discriminating tourists 43. Past the limit! We'll sabotage his tourist-trap plans! 44. We'll make him sorry he ever had a brain to think this dumb idea up with! 45. But we can't let him find out we ruined his plans! He still has to take us on a summer vacation!



46. Tốt lắm, các chú bé! Phải luôn giữ vẻ mặt tươi cười hờ hờ như thế chúng ta mới làm cho du khách cảm thấy được tiếp đón ân cần!

47. Vâng, thưa chú Donald!



48. Một ngày nào đó các cháu sẽ cảm ơn ta về kinh nghiệm này! Vì sao, khi ở tuổi các cháu ta... Hê! Có người đến! Hãy lên lầu và chuẩn bị sẵn phòng ốc đi!

46. That's better, boys! Keep those eager-to-please smiles on your faces so we can make our guests feel welcome! 47. Yes, Uncle Donald! 48. Someday you'll thank me for this experience! Why, when I was your age... hey! Somebody's at the door! Go upstairs and make sure your room is ready! 49. Ding! Dong!



50. Xin chào! Tôi vừa mới đến Duckburg và thấy bảng hiệu của ông! Ông còn phòng trống không?

51. Ồ, dĩ nhiên! Chúng tôi luôn luôn có phòng cho các du khách sành sỏi! Mời ông vào!



52. Đây là phòng của ông! Nếu ông có yêu cầu gì đặc biệt, xin cứ cho tôi biết!

53. Thức ăn! Tôi thích giàu đạm và chất béo với thật nhiều nước xốt! Cho thật nhiều, thật nhiều nước xốt đấy nhé!

50. Good day! I've just arrived in Duckburg and I saw your sign! Do you have a vacant room?

51. Why, of course! We always have rooms for discriminating guests! Step right in!

52. Here's your room! And if you have any special requests, just let me know!

53. Food! I like rich and fatty food with lots of gravy! Lots and lots of gravy!



54. Ta sẽ cho ông ta thưởng thức cách nấu ăn nổi tiếng thế giới của Duckburg!

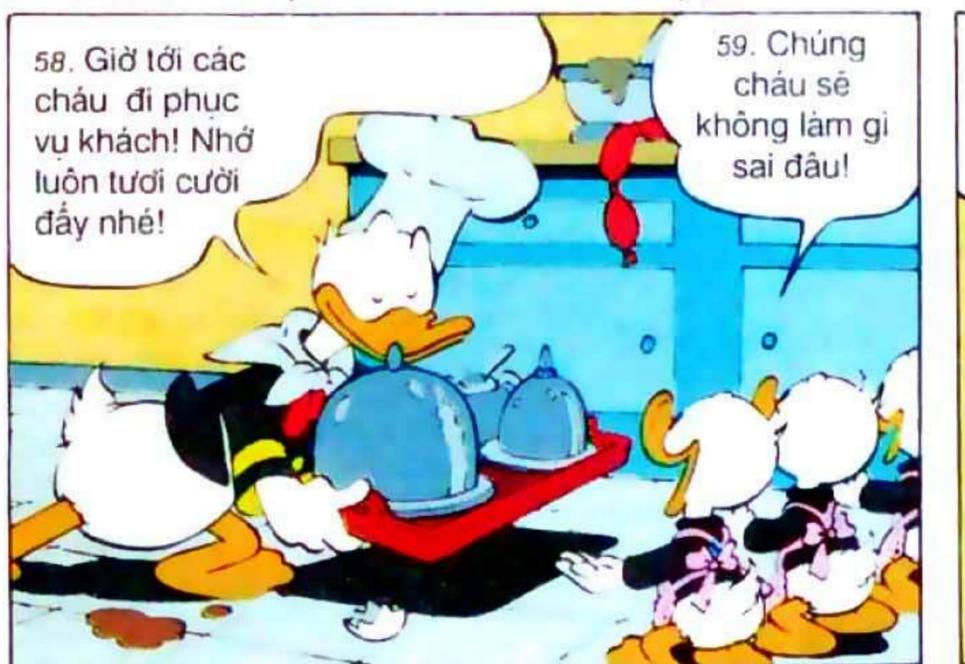
55. Với cái giá phòng mà ta sẽ tính cho ông ta, mọi thứ đều phải tuyệt hảo!



56. Hãy ngắm nhìn bữa ăn tuyệt hảo này!

57. Vâng! Điều đó sẽ giữ chân người khách của chúng ta!

54. I'll give him a taste of Duckburg's world-famous cuisine! 55. For the price I'm charging him for that room, only the best will do! 56. Gaze upon this wonder of culinary perfection! 57. Yep! That ought to keep our boarder going for a while!



58. Giờ tới các cháu đi phục vụ khách! Nhớ luôn tươi cười đấy nhé!

59. Chúng cháu sẽ không làm gì sai đâu!



60. Tụi mình có cần dọn cho khách ăn ngay bây giờ không nhỉ?

61. Không, chỉ dọn sau khi mình đã thưởng thức xong mọi thứ! Chờ xem nó ngon tới cỡ nào!

58. Now run along and serve our guest! And don't forget to smile, smile, smile! 59. We won't do anything but! 60. Do we really have to feed our guest right now? 61. Not until we've tasted the food first! We have to see if it's good enough!



62. Mi-am! Các bạn phải khen ngợi chú Donald mới được! Nếu chú tâm vào việc nấu nướng, chú ấy có thể là một đầu bếp tuyệt vời!

63. Ngón thêm nữa đi cho chắc ăn!



64. Bữa ăn tối của ông đây! Chúng tôi hy vọng là ông thích nó - chú Donald đã chuẩn bị chu đáo lắm đấy!

65. Tốt lắm! Ta đang đói ngấu đấy! Cuối cùng rồi cũng được ăn!

62. Mmm! You've got to hand it to Unca Donald! He can be a great cook when he puts his mind to it! 63. Let's taste a few more mouthfuls just to make sure! 64. Here's your dinner! We hope you like it — Unca Donald did his best! 65. Ah, good! I'm starving! I haven't eaten in hours!



66. ?

67. Chúc ngon miệng nhé, thưa ông Hogge!



68. Chỉ thêm vài bữa ăn như thế thì ông ấy sẽ bỏ chỗ này mà đi thôi!

69. Và bọn mình có thể đi nghỉ hè được!

66. ? 67. Bon appetit, Mr. Hogge! 68. A few more meals like that and he'll be out of here! 69. Then we can go on our summer vacation!



70. Bọn nhóc nói đúng! Chỉ vài ngày sau...

71. Thôi xin tạm biệt, ông Duck! Tôi không muốn ở trong nhà này một phút nào nữa!

72. Nhưng thưa ông Hogge! Đã có chuyện gì sai nào?



73. Việc nấu ăn của ông! Tôi chưa từng ăn thức ăn nào tệ như thức ăn của ông! Nó có thể làm kiến cũng phải chết đói!

75.

ot...
-ot!

74. Nhưng... ?!



76. Chú không hiểu nổi! Mỗi ngày chú đều mệt đến ngất ngư để chuẩn bị bữa ăn cho ông ta!

77. Chú nên từ bỏ tất cả những ý định của chú đi, có thể sẽ tốt hơn?

73. Your cooking! Your food is the worst I've ever eaten! It couldn't keep an ant from starving! 74. But.. ?! 75. Rumble! 76. I don't get it! I knocked myself out every day making great meals for him! 77. Maybe you'd better just give up on the whole idea?



78. Ha! Các cháu thật chẳng biết gì về chú cả! Thất bại nhất thời như vậy chỉ thúc đẩy chú nỗ lực gấp đôi trong lần tới mà thôi!

79. Úi trời!



80. Các cháu ơi, muốn thành công trên đường đời thì các cháu phải làm việc chăm chỉ và hết sức mình! Biết không, khi chú ở tuổi các cháu...

81. Xin chào...?! Có ai ở nhà không?

78. Ha! How little you know me! A temporary setback like this only inspires me to try twice as hard next time! 79. Aack! 80. To be successful in life, my boys, you must work hard and do your best! Why, when I was your age... 81. Hello...?! Anybody home?



82. Tôi là họa sĩ Tistick! Tôi đến Duckburg để vẽ tranh và tôi cần chỗ nghỉ!

83. Nếu ông đang tìm chỗ nghỉ ngơi thì đây đúng là nơi ông cần rồi đấy, ông Tistick ạ!



84. Rồi ông sẽ thấy, nhà tôi trang trí có "gu" lắm, nó sẽ làm dịu tinh thần và kích thích trí sáng tạo của ông!

85. Tuyệt! Tôi chẳng mong gì hơn! Tôi ghét óc thẩm mỹ tồi lắm!

82. My name is Art Tistick! I've come to Duckburg to paint and I need a place to stay!

83. If it's a place you're looking for, Mr. Tistic, then this place is the right place!

84. As you'll see, I have a tastefully decorated home that will soothe your nerves and inspire your creative spirit!

85. Great! I couldn't have it any other way! I hate bad taste!



86. Chủ phải chạy lo một số việc lật vặt! Hãy dẫn khách đi giới thiệu một vòng khi ông ấy sắp xếp xong nhé!

87. Cứ tin tưởng ở bọn cháu, chủ Donald!

89. Cả bọn nhanh lên! Tờ tin chắc mọi thứ mình cần tìm đều ở trên này!

86. I have to run some errands! Show our new guest around the house when he's settled in! 87. You can count on us, 88. D.DUCK 89. Hurry up, guys! I'm sure we'll find everything we need up here!



90. Đây rồi! Đây là món quà của bà cô Agatha tặng cô Daisy! Ngay cả cô Daisy còn không chịu nổi việc để nó trong nhà!

91. Con đây là thứ đồ chú Donald đã mua lạc-xoong!



92. Và thế rồi...

93. Ông Tistick, ông thầy thế nào sau chuyến dạo sơ quanh nhà?

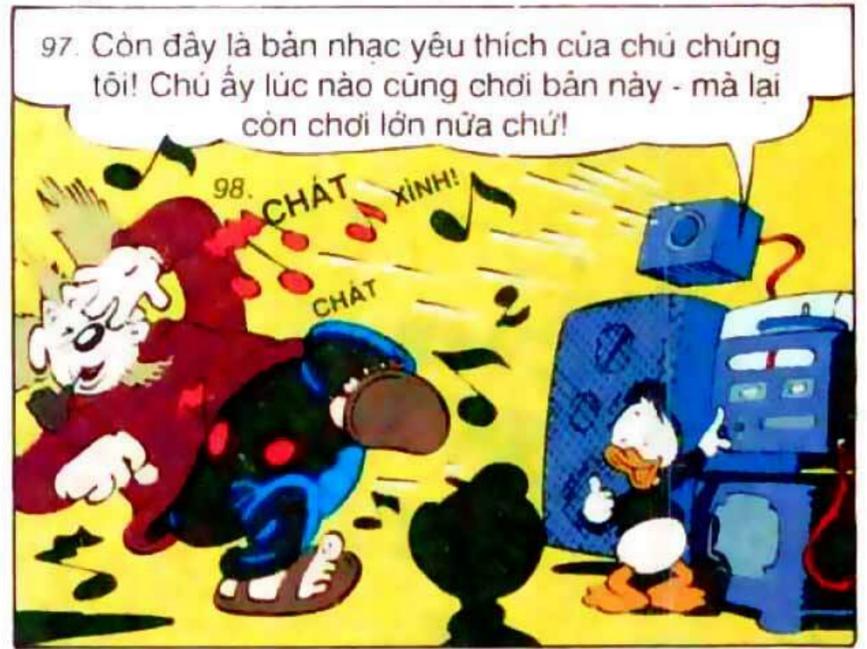
94. Cảm ơn, các chú nhóc!

90. Yep! Here's that present from Daisy's great-aunt Agatha! Even Daisy couldn't stand to have it in her house! 91. And here's that thing Unca Donald bought at a yard sale! 92. And so - 93. How about a little guided tour of the house, Mr. Tistick? 94. Thanks, boys!



95. Đây là bức tượng nhỏ rất gần gũi với tâm hồn của chú Donald!

96. Ôi không! Một món đồ trang trí hạng bét dành cho lũ dốt nát bày trên cô - thế mà ông ta lại bày trong phòng khách!



97. Còn đây là bản nhạc yêu thích của chú chúng tôi! Chú ấy lúc nào cũng chơi bản này - mà lại còn chơi lớn nữa chứ!

98. CHÁT XINH!
CHÁT

95. Here's a little statuette that's close to Unca Donald's heart! 96. Oh, no! The lowest of lawn ornaments for the ignorant masses - and he has it on display in his living room! 97. This is uncle's favorite music! He plays it all the time - only louder! 98. Yeah! Yeah! Yeah! Yeah!



99. Ô không! Kinh khủng quá đi mất!

100. Bức tranh một con vịt khóc! Thật là một "gu" thẩm mỹ tồi tệ!

101. Ông có thích nó không? Nó là niềm hạnh diện và sung sướng của gia đình chúng tôi đó!

99. Oh no! The horror of horrors! 100. It... it's a weeping duckling! The very bottommost rung of wretched taste! 101. Do you like it? It's our home's pride and joy!



102. Sao vậy, ngài Tistick? Ông chạy đi đâu mà vội thế?



104. Xin lỗi, nhưng tôi không thể nào chịu đựng nổi để ở trong nhà ông nữa! Ốc thẩm mỹ tồi tệ của ông đã đầu độc cảm hứng của tôi, làm thần kinh tôi căng thẳng... Ồi, thật quá sức!

105. Nhà tôi? Thẩm mỹ tồi à?

102. Why, Mr. Tistick! Where are you running so fast?
103. D.DUCK 104. I'm sorry, but I can't bear to stay in your house! Your bad taste is poison to my inspiration, a strain on my nerves... oh, it's too much! 105. My house? Bad taste?



106. Biền đi! Tại sao bỗng nhiên mọi điều tồi tệ lại xảy ra đối với thức ăn và nhà cửa của ta vậy?

107. Thay vào đó, chú đẹp quách và đi nghỉ hè với tụi cháu có phải hơn không?



108. Không đời nào! Chú nhất quyết không bỏ cuộc cho tới lúc có ít nhất một người khách muốn ở đây!

109. Thế đấy! Tụi mình tiêu rồi! Chẳng còn hy vọng gì nữa!

106. Darn it anyway! Why is everything wrong with my food and my house all of a sudden? 107. Why don't you give up and go with us on a nice long summer vacation instead? 108. Not on your life! I'm not quitting until I've had at least one boarder who wants to stay! 109. That's it! We're doomed! There's no hope now!



110. Chú Donald! Nếu tụi cháu tìm được cho chú một người khách thì chú tính sao?

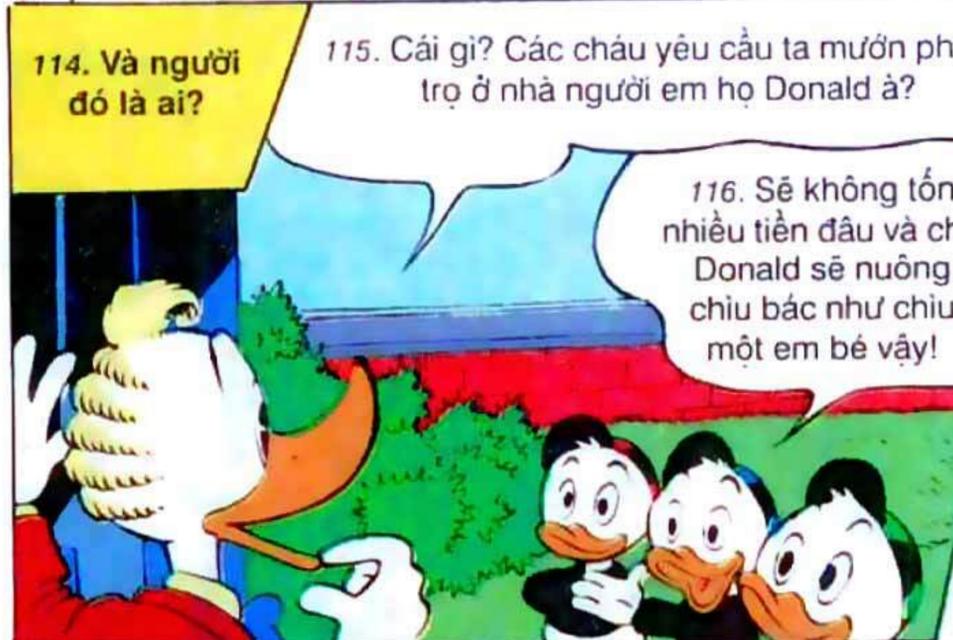
111. Được rồi! Làm đi! Chú sẽ chấp nhận bất cứ điều kiện nào miễn có được một người khách!



112. Gì kỳ vậy, Huey? Bộ cậu định về phe địch hả?

113. Hồng dám đâu! Tớ vừa nghĩ ra một sáng kiến! Nếu chú Donald không chịu bỏ cuộc cho tới khi nào có một người khách chịu ở đây, thế thì chúng mình sẽ tìm cho chú một người khách mà chú không thích!

110. Say, Unca Donald! What if we found a boarder and made a deal with him for you? 111. Sure! Go ahead! I'll accept almost any conditions just to have one boarder! 112. What's with you, Huey? You haven't gone over to the enemy's side, have you? 113. Not at all! I just had a great idea! If Unca Donald won't quit until he's had a boarder who likes it here, let's find him a boarder he won't like!



114. Và người đó là ai?

115. Cái gì? Các cháu yêu cầu ta mượn phòng trọ ở nhà người em họ Donald à?

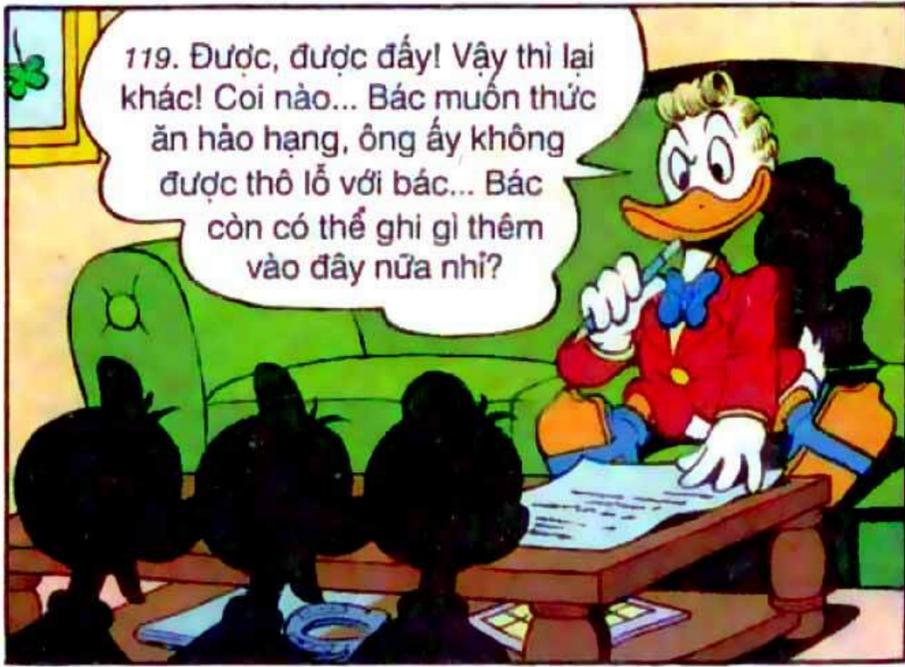
116. Sẽ không tốn nhiều tiền đâu và chú Donald sẽ nuông chiều bác như chiều một em bé vậy!



117. Thôi đi! Bác biết chú các cháu quá đi rồi! Ông ta thế nào cũng làm khó dễ bác ngay khi vừa gặp mặt!

118. Nhưng bác có thể tự viết hợp đồng thuê nhà và đưa chú Donald ký vào!

114. And who could that possibly be? 115. What's this? You're asking me to rent a room in my cousin Donald's house? 116. It won't cost much and Unca Donald will pamper you like a baby! 117. Nah! I know your uncle! He'll start giving me a hard time as soon as he sees me! 118. But you can write your own rental contract and have Unca Donald sign it!



119. Được, được đây! Vậy thì lại khác! Coi nào... Bác muốn thức ăn hảo hạng, ông ấy không được thô lỗ với bác... Bác còn có thể ghi gì thêm vào đây nữa nhỉ?



120. Chúng cháu đã tìm được khách trọ rồi, chú Donald ơi! Đây là hợp đồng thuê phòng để chú ký đây!

121. Giỏi lắm, lũ nhóc! Thật tuyệt!

119. Well, well! That's different! Let's see... I want first-class food, he can't be rude to me... What else can I stick in here? 120. We found you a boarder, Unca Donald! Here's the room rental contract for you to sign! 121. Good work, boys! That's great!



122. Chú sẽ ký ngay đây! Vì khách quý này là ai vậy nhỉ?

123. Chú cứ nhìn đi!



124. Chào ông chủ nhà quý mến! Tôi hy vọng ông đã chuẩn bị sẵn sàng một bữa ăn tối thịnh soạn cho tôi! Tôi đang đói lắm đây!

125. Ông anh họ Gladstone?!

122. I'll sign it right now! Who is this gentleman, anyway? 123. Look for yourself! 124. Greetings, dear host! I hope you have a nice big dinner ready on the table for me! I'm starved! 125. Cousin Gladstone!?



126. Thiếu gì người mà tụi bay lại đi mời ông ta?

127. Bác ấy là người duy nhất tụi cháu mới được! Bác ấy cũng như mọi người khác vậy thôi, phải không chú?!



128. Để tôi xách giỏ cho, thưa ông khách quý!

129. Chú Donald sẽ không chịu đựng lâu được đâu!

130. Chú ấy sẽ tống cổ bác Gladstone đi ngay ngày mai - và thế là chú sẽ chẳng còn viên cớ gì được nữa để từ chối việc dẫn tụi mình đi nghỉ hè!

126. Of all the people in the world, why did you have to pick him?! 127. He was the only one we could get! He's as good as any other boarder, isn't he? 128. Let me take your bag, honored boarder! 129. Unca Donald won't put up with this for long! 130. He'll throw Gladstone out tomorrow - and then he won't have any excuse for not taking us on vacation!



131. Mi-am! Món gà ngon thật nhưng nước chanh thì chắc đã để hơn cả năm rồi!

132. Hừm!



133. Mở cửa đi! Tôi đang đợi đám bạn tôi đây!

134. RENG! RENG!

131. Mmm! The chicken is delicious, but the lemonade could have been a better year!

132. (Grumble!)

133. Get the door, will you? I'm expecting company!

134. DING! DONG!



135. Ông ta kia rồi! Mở tiệc đi thôi!

136. Hả!



137. Mấy người này là ai vậy?

138. À, đây là những thành viên của câu lạc bộ "Các công tử bột nhàn rỗi"! Chúng tôi đã quyết định tổ chức buổi tiệc hàng năm của chúng tôi tại nhà ông!

135. There he is, folks! Let the party begin! 136. Yipe! 137. Who are all these people? 138. Why, the other members of the Idle Dandies's Club! We've decided to have our annual party in your house!



139. Chà! Tủ lạnh đầy thức ăn ngon! Nào chúng ta chén sạch đi!

140. Quá đã!

141. Tôi biết hân giấu thứ nước chanh ngon tuyệt ở đâu đó thôi!



142. Tôi không thể vui chơi hết mình khi hân lẩn quẩn ở đây! Hân là chủ nhà vậy thì hân làm việc đi! Hân đâu phải là người trong bọn ta!

143. Tổng cổ hân ra ngoài kéo hân phá hỏng cuộc vui của chúng ta!

139. Yum! The fridge is full of good eats! Let's eat 'em all! 140. YIPPEE! 141. I knew he had some decent lemonade hidden away somewhere! 142. I can't party hearty with him around! He's the host, so that means he's working! He's certainly not one of us! 143. Throw him out before he spoils our mood!



144. Giá mà trước khi ký mình đọc kỹ hợp đồng!



145. Chú không phiền nếu chúng cháu nằm ngoài này với chú chứ?

146. Chúng ta chẳng thể nào ngủ nổi với những tiếng ồn đó!

144. How I wish I'd read that contract before I signed it! 145. Do you mind if we lie down out here with you, Unca Donald? 146. We can't sleep with all that noise!



147. Sáng hôm sau...

148. (Ngáp!) Thật là một buổi sáng yên lành!



149. Khò khò!

150. Ô không!

151. A chủ nhà đây rồi! Thế còn bữa ăn sáng nhẹ ngay trên giường thì thế nào?

152. Rồ... rồ!

147. Morning - 148. (Yawn!) My, what a peaceful morning! 149. ZZZ 150. Oh no! 151. Hey, it's the host! How about a little breakfast in bed? 152. ZZZZ!



153. Đủ quá rồi, Gladstone! Ra khỏi nhà tôi ngay lập tức! Và đem theo tất cả lũ bạn ăn bám của anh nữa!

154. Xin chào ông chủ nhà!



155. Đọc lại hợp đồng đi! Trong đó có nói ông không thể đuổi tôi đi được! Tôi muốn ở đây bao lâu tùy thích cho đến khi nào tự tôi muốn đi!

156. Đồ chuột bỏ!

153. I'm fed up, Gladstone! Get out of my house right now! And take your freeloading friends with you! 154. Good morning, host! 155. Read the contract again! It says you can't throw me out! I can stay for as long as I like until I decide to leave on my own! 156. Rats!



157. Bác Gladstone! Hãy có lương tâm một chút đi! Chúng cháu yêu cầu bác đến chi vì chú Donald sẽ không dẫn tụi cháu đi nghỉ hè chừng nào...

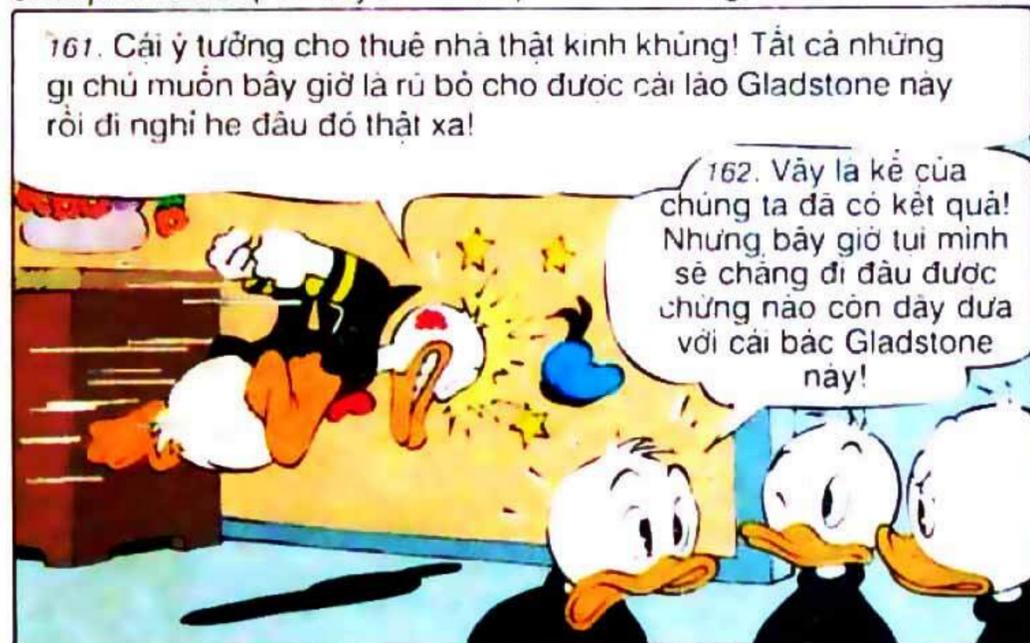
158. Ta chẳng cần biết chuyện cãi vã riêng tư trong nhà các người! Ta có quyền ở đây và ta muốn thực hiện cái quyền đó!



159. Ta đã qua một đêm mệt mỏi và cần ngủ suốt ngày nay cho lại sức! Hãy chuẩn bị một bữa tối thịnh soạn cho ta khi ta thức dậy!

160. Ông cứ việc ăn cái gối của ông ấy!

157. Gladstone! Have a heart! We only asked you to come because Uncle Donald wasn't going to take us on vacation until... 158. I don't care about your private family squabbles! I have a right to stay here and I'm darn well going to! 159. I had a rough night and I plan to sleep all day to make up for it! Have a good dinner waiting for me when I wake up! 160. You can eat your pillow instead!



161. Cái ý tưởng cho thuê nhà thật kinh khủng! Tất cả những gì chú muốn bây giờ là rũ bỏ cho được cái lão Gladstone này rồi đi nghỉ hè đâu đó thật xa!

162. Vậy là kế của chúng ta đã có kết quả! Nhưng bây giờ tụi mình sẽ chẳng đi đâu được chừng nào còn dây dưa với cái bác Gladstone này!



163. Chú sẽ lên gác xếp lấy xuống vài thứ để bọn mình tìm cách trục hẳn ra khỏi nhà!

164. Chú Donald, tụi cháu ủng hộ chú!

161. This tourist boarding idea of mine was terrible! All I want to do now is get rid of Gladstone and go somewhere far away on vacation! 162. Our idea worked! But now we can't go anywhere as long as we're stuck with Gladstone! 163. I'll just get a few things down from the attic, then we'll go to work driving him out! 164. We're behind you all the way, Uncle Donald!



165. Hẳn muốn ngủ cả ngày hả? Xem ra hẳn thích bài hát ru của chú lắm đấy!

166. Các bạn nói sao đây?

165. Wants to sleep all day, does he? Let's see how he likes my lullaby!

166. What did you say? 167. RATTLE! RATTLE! 168. BOOM! BOOM!

169. HONK! 170. TOOT! BLATT!



171. Hừm! Bộ con vịt đó không bao giờ ngủ hay sao ấy? Hẳn đã quậy suốt đêm, bây giờ lại quậy nữa! Ta muốn bắt hẳn về tội phá rối trật tự!

171. Hmm! Doesn't that duck ever sleep? He was making racket all night, and now he's at it again! I'd like to nail him for disturbing the peace!



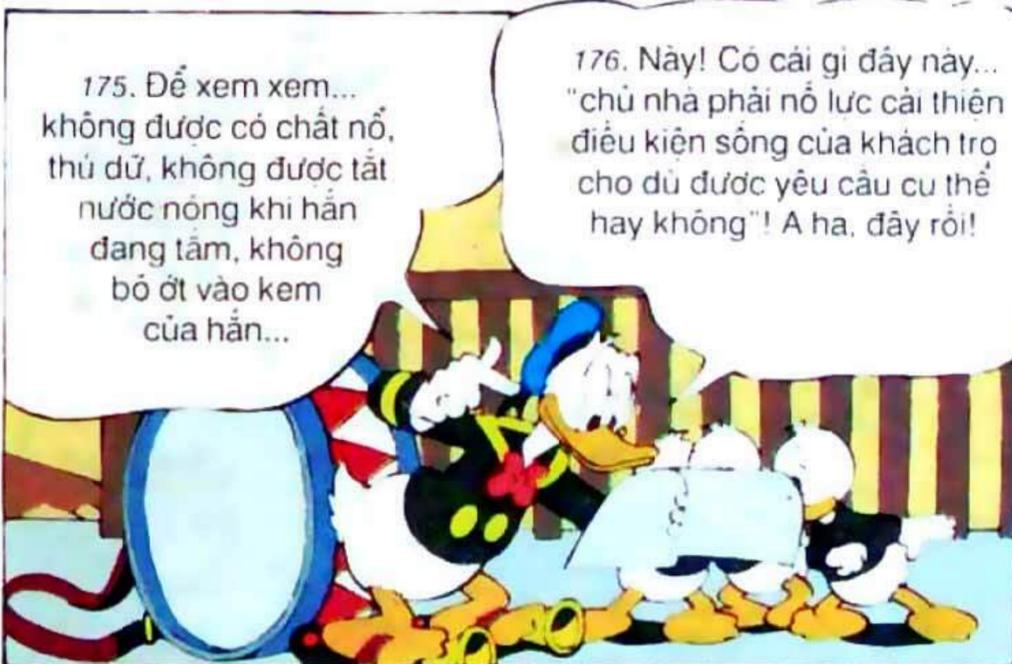
172. Đọc hợp đồng đi, người anh em!
Cấm âm nhạc trong nhà trừ phi tôi yêu
cầu! Nếu ông
mà vi phạm
hợp đồng nữa
tôi kiện đây!



173. Trời ơi! Hắn tự bảo vệ
bằng mọi cách!

174. Chú không
tìm thấy một kẽ hở
nào sao?

172. Read the contract, cousin! It expressly forbids music on the premises unless I ask for it! If you break the contract again, I'll sue you! 173. Golly! He's covered himself in every possible way! 174. Can't you find any loopholes?



175. Để xem xem...
không được có chất nổ,
thú dữ, không được tắt
nước nóng khi hắn
đang tắm, không
bỏ ớt vào kem
của hắn...

176. Này! Có cái gì đây này...
"chủ nhà phải nỗ lực cải thiện
điều kiện sống của khách trọ
cho dù được yêu cầu cụ thể
hay không"! A ha, đây rồi!



177. Ông Duck, tôi có chuyện
muốn nói với ông!

178. Bây giờ không
được! Tôi đang
bận!

179. TOE!
TOE!

175. Let me see... no explosives, no dangerous animals, no turning off the hot water while he's in the shower, no adding chili peppers to his ice cream... 176. Wait! Here's something... "the landlord must make every effort to improve the boarder's living conditions whether specifically requested to or not"! Aha! That's it! 177. May I have a word with you, Mr Duck? 178. Not now! I'm busy!



180. Hãy bắt tay vào
việc đi các cháu!

181. Thiết bị xây
dựng hả??



182. Hãy gây tiếng ồn càng
nhiều càng tốt!

186. RỒ RỒ RỒ...

184. BAM!

185. TACH TACH

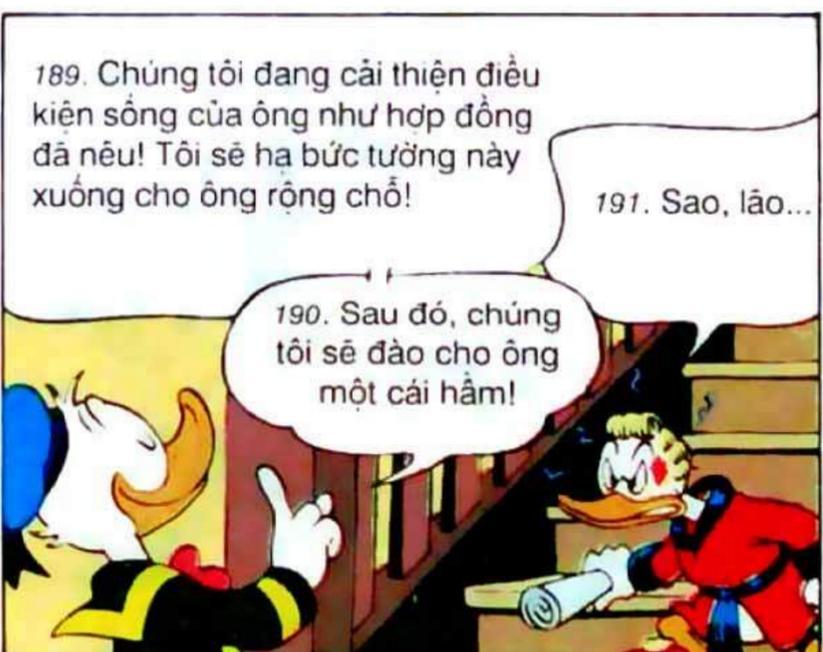
183. Thường thì tụi
mình bị đét vào mông
khi làm như vậy!

180. Let's get to work, boys! 181. Construction equipment?? 182. Just make as much noise as you can! 183. Usually we'd get spanked for this! 184. BLAM! 185. RATATATATA... 186. RRRRRRRR...



187. Ông tưởng là ông được làm như vậy
hà? Điều 23, đoạn 267 của hợp đồng đã
quy định: cấm tiếng ồn không cần thiết!

188. Ô, nhưng mà việc
này rất cần, người anh
em thân mến ạ!



189. Chúng tôi đang cải thiện điều
kiện sống của ông như hợp đồng
đã nêu! Tôi sẽ hạ bức tường này
xuống cho ông rộng chỗ!

191. Sao, lão...

190. Sau đó, chúng
tôi sẽ đào cho ông
một cái hầm!

187. What do you think you're doing? Section 23, paragraph 267 of the contract forbids unnecessary noise! 188. Oh, but this is very necessary, dear cousin! 189. We're improving your living conditions just like the contract you wrote tells me to! I'm knocking down a wall to give you more space! 190. After that we'll even dig you a basement! 191. Why, you low-down, sneaky...



192. Cứ trở vào ngủ đi! Chúng tôi sẽ hoàn tất chỉ trong vòng vài tuần thôi!

193. Rê rê rê



194. Giã biệt! Tôi phải rời bỏ chốn không hiếu khách này!

195. Hoan hô! Sắp hành lý đi các cháu!

192. Just go back to bed! We should be finished in a few weeks! 193. RRRRRR 194. Goodbye! I'm leaving this inhospitable dump! 195. Hurray! Pack your bags, boys!



196. Bãi biển đầy nắng và nước mát, ta đi thôi!

197. Tạm biệt ngôi nhà cũ! Ba tuần nữa gặp lại!



199. Ôi nhà mình!

200. RẮC - RẦM!

196. Sunny beaches and cool water, here we come!

197. So long, old house! See you in three weeks!

198. SLAM

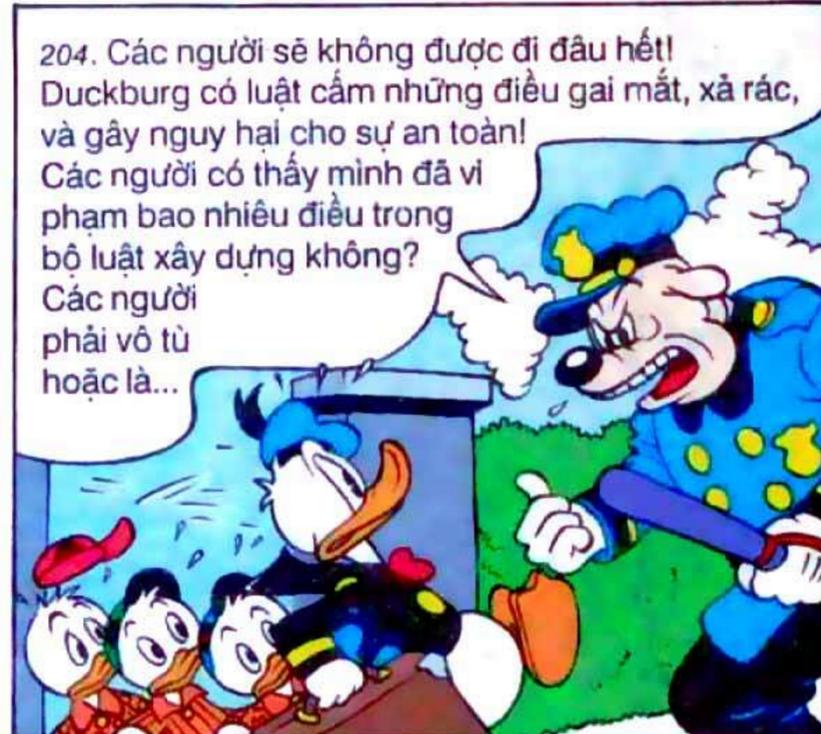
199. Our house!

200. KA-FOMP!



201. Chắc là vì chúng ta đã phá bỏ nhiều bức tường quá! Thôi được rồi, khi nào về chúng ta sẽ sửa lại!

202. Đi thôi!

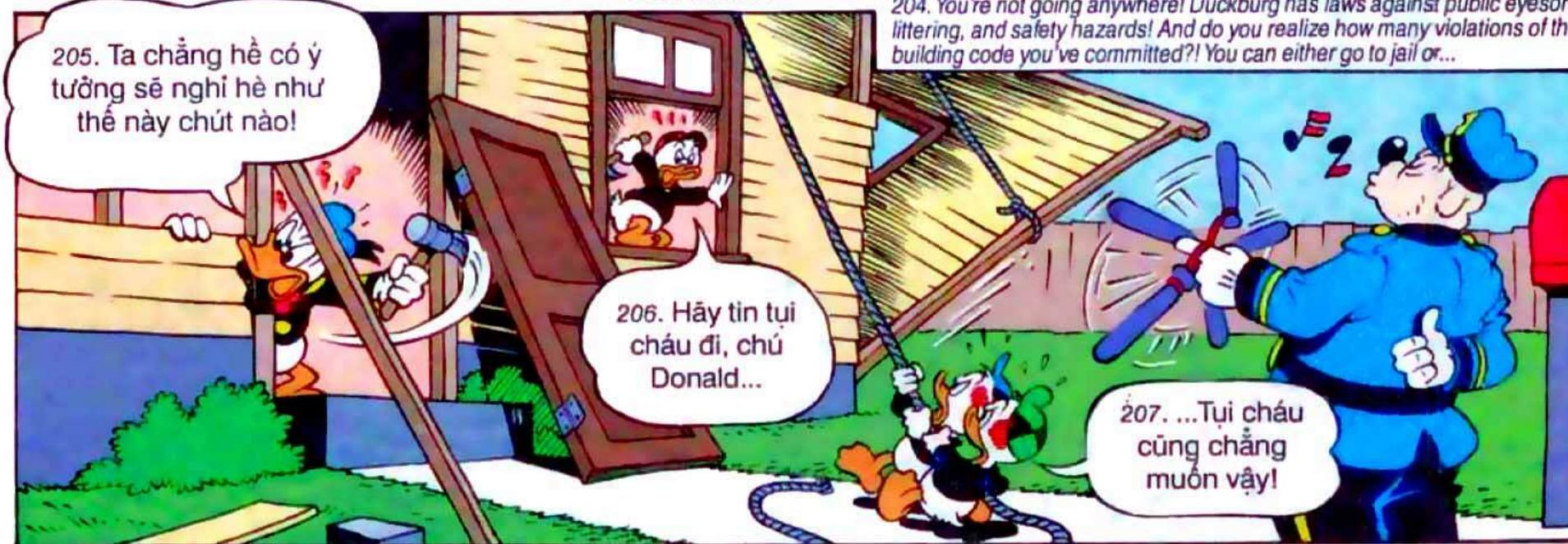


204. Các người sẽ không được đi đâu hết! Duckburg có luật cấm những điều gai mắt, xả rác, và gây nguy hại cho sự an toàn! Các người có thấy mình đã vi phạm bao nhiêu điều trong bộ luật xây dựng không? Các người phải vô tù hoặc là...

201. We must have knocked out one too many walls! Oh well, we can fix it when we come back!

202. Let's get going!
203. D.DUCK

204. You're not going anywhere! Duckburg has laws against public eyesore, littering, and safety hazards! And do you realize how many violations of the building code you've committed?! You can either go to jail or...



205. Ta chẳng hề có ý tưởng sẽ nghĩ hè như thế này chút nào!

206. Hãy tin tụi cháu đi, chú Donald...

207. ...Tụi cháu cũng chẳng muốn vậy!

205. This wasn't exactly my idea of how I wanted to spend the summer!

206. Believe us, Unca Donald...

207... It wasn't ours, either!